

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 13/2021/CBTT- VFS
V/v: Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng Khoán TP. HCM
Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt – Mã số thành viên 094.
Địa chỉ: Số 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành Quận 1. TP HCM.
Điện thoại: (084) 6 255 6586 - Fax: (084) 6 255 6580

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thu Bình – Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Số 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành Quận 1. TP HCM
Điện thoại: (084) 6 255 6586 - fax: (084) 6 255 6580
Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/04/2021 tại đường dẫn: <http://www.vfs.com.vn/tabid/112/cong-bo-thong-tin.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2021
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Phó Tổng giám đốc



NGUYỄN THỊ THU BÌNH

Số: 01/2021/NQ-ĐHDCĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt ngày 03 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020. (Theo Tờ trình số 04/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021 (theo tờ trình số 05/2021/TTr-BKS-VFS).

Điều 6. Thông qua tờ trình chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021 (theo tờ trình số 06/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 7. Thông qua việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty (theo tờ trình số 07/2021/TTr-HĐQT-VFS).



Điều 8. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty (theo tờ trình số 08/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021 (theo tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (theo tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (theo tờ trình số 11/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 12. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (theo tờ trình số 12/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 13. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (theo tờ trình số 13/2021/TTr-HĐQT-VFS).

Điều 14. Thông qua việc sửa đổi Quy trình kiểm soát của Ban kiểm soát (theo tờ trình số 14/2021/TTr-BKS-VFS).

Điều 15. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo tờ trình số 15/2021/TTr-BKS-VFS).

Điều 16. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Cù Mạnh Đạt và Bà Phạm Thị Thanh Thúy.

Điều 17. Thông qua danh sách ứng cử và kết quả bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ	Kết quả
1	Trịnh Thị Lan	38.238.700	100%	Trúng cử
2	Trương Văn Tiến	38.238.700	100%	Trúng cử

Điều 18. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng

hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu VT;
- CBTT theo quy định.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Trần Anh Thắng

TRẦN ANH THẮNG



BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:

1. Tên công ty: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.**
2. Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, số 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 100/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/10/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 61/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/09/2020.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

1. Thời gian: 08h30, ngày 03/04/2021.
2. Địa điểm: Phòng họp Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty, bao gồm:
 - Thành viên HĐQT:
 - + Ông Trần Anh Thắng - Chủ tịch HĐQT
 - + Bà Nguyễn Thị Thu Bình - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 - + Ông Nguyễn Thế Anh - Thành viên HĐQT
 - + Ông Đào Đức Anh - Thành viên HĐQT
 - + Ông Phan Thành Đạt - Thành viên HĐQT
 - Thành viên BKS:
 - + Ông Trần Văn Dương - Trưởng BKS
- Số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền tại thời điểm 9h00 là **11 cổ đông**, đại diện cho số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là **38.238.700 cổ**

phần, chiếm **93,27%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty là 41.000.000 cổ phần.

IV. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021:

1. Để đại hội tiến hành đúng quy định, **Bà Phạm Thị Bích Dung** - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội tại thời điểm 9h00:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **41.000.000 cổ phần**.
- Cổ đông mời tham dự gồm: Toàn bộ cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày **01/03/2021**.
- Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền có mặt tham dự đại hội là **11 cổ đông**, đại diện cho số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là **38.238.700 cổ phần**, chiếm **93,27%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt, Đại hội cổ đông cổ đông thường niên năm 2021 đủ điều kiện tiến hành.

2. **Bà Phạm Thị Nga** trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

3. ĐHĐCĐ đã bầu Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu đại hội:

a. Đoàn Chủ tịch đại hội

- **Ông Trần Anh Thắng** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt - Chủ tọa Đại hội.

b. Ban Kiểm phiếu đại hội

- **Bà Phạm Thị Bích Dung** – Trưởng Ban
- **Bà Bùi Thị Hoa** – Thành viên

Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

4. Chủ tọa chỉ định thư ký đại hội :

- **Bà Phạm Thị Nga** – Thư ký đại hội

5. Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

Nội dung 1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

- Nội dung 2. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Nội dung 3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Nội dung 4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
- Nội dung 5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
- Nội dung 6. Tờ trình chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021.
- Nội dung 7. Tờ trình thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Nội dung 8. Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.
- Nội dung 9. Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021
- Nội dung 10. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Nội dung 11. Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Nội dung 12. Tờ trình về việc sửa đổi Quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Nội dung 13. Tờ trình về việc sửa đổi Quy trình kiểm soát của Ban kiểm soát.
- Nội dung 14. Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Nội dung 15. Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Nội dung 16. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát.
- Nội dung 17. Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu thành viên Ban kiểm soát.
- Chương trình được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

V. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐƯỢC TRÌNH BÀY

1. Đại hội đã nghe Ông Trần Anh Thắng trình bày các nội dung sau:
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
 - Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
2. Đại hội đã nghe Ông Trần Văn Dương trình bày:
 - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
3. Đại hội đã nghe Ông Trần Anh Thắng trình bày:
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
4. Đại hội đã nghe Ông Trần Văn Dương trình bày:



- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
5. Tiếp tục chương trình, Đại hội đã nghe Ông Trần Anh Thắng trình bày các nội dung sau:
- Tờ trình thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.
 - Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021
 - Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.
 - Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
 - Tờ trình về việc sửa đổi Quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty.
 - Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
6. Tiếp tục chương trình, Đại hội đã nghe Ông Trần Văn Dương trình bày các nội dung sau:
- Tờ trình về việc sửa đổi Quy trình kiểm soát của Ban kiểm soát.
 - Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát.
 - Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu thành viên Ban kiểm soát.
7. Đại hội đã nghe **Bà Phạm Thị Bích Dung** trình bày Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty được thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

VI. THẢO LUẬN VÀ Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

Đoàn chủ tọa và Đại hội đã lắng nghe ý kiến các cổ đông và tiến hành thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại đại hội. Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày, giải thích tại đại hội và không có ý kiến gì khác.

VII. BIỂU QUYẾT:

Tại thời điểm kiểm phiếu biểu quyết vào 10h30:

Tổng số Phiếu phát ra: 11 phiếu, đại diện cho 38.238.700 cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số Phiếu thu về: 11 phiếu, đại diện cho 38.238.700 cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó: Số phiếu hợp lệ: 11 phiếu, đại diện cho 38.238.700 cổ phần có quyền biểu quyết

Số phiếu không hợp lệ: 0 Phiếu đại diện cho 0 cổ phần có quyền biểu quyết

Kết quả biểu quyết từng nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
2. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 (theo tờ trình số 04/2021/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021 (theo tờ trình số 05/2021/TTr-BKS-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
6. Thông qua tờ trình chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021 (theo tờ trình số 06/2021/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
7. Thông qua việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty (theo tờ trình số 07/2021/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
8. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty (theo tờ trình số 08/2021/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021 (theo tờ trình số 09/2021/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (theo tờ trình số 10/2021/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến



11. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (theo tờ trình số 11/2021/TTr-HĐQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
12. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (theo tờ trình số 12/2021/TTr-HĐQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
13. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (theo tờ trình số 13/2021/TTr-HĐQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
14. Thông qua việc sửa đổi Quy trình kiểm soát của Ban kiểm soát (theo tờ trình số 14/2021/TTr-BKS-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
15. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo tờ trình số 15/2021/TTr-BKS-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
16. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Cù Mạnh Đạt và Bà Phạm Thị Thanh Thúy.
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
17. Thông qua danh sách bầu cử thành viên Ban Kiểm soát như sau:

STT	Họ và tên
1	Trịnh Thị Lan
2	Trương Văn Tiến

- Kết quả bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát Công ty:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ	Kết quả
1	Trịnh Thị Lan	38.238.700	100%	Trúng cử
2	Trương Văn Tiến	38.238.700	100%	Trúng cử

VIII. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI:

Bà Phạm Thị Nga – Thư ký đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Biên bản và Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Đại hội bế mạc hồi 11h00 cùng ngày.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: VT, VP.
- CBTT theo quy định

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

PHẠM THỊ NGA

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỌA

TRẦN ANH THẮNG



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021

Kính trình : **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

I. Hoạt động của HĐQT trong năm 2020

1. Bối cảnh thị trường năm 2020

Thuận lợi:

- Chứng khoán toàn cầu phục hồi thần tốc hình chữ V trong điều kiện dịch bệnh lan rộng ra toàn cầu. Quý 1/2020 các thị trường chứng khoán thế giới đồng loạt bị bán tháo, lao dốc không phanh do giới đầu tư lo ngại về triển vọng đen tối của dịch Covid_19. Theo Reuters, chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones, S&P 500 và Nasdaq lần lượt mất 38%, 35% và 30%. Chỉ số FTSE của London và DAX của Đức sụt 35% và 40%, chỉ số Nikkei của Nhật Bản giảm 30%. Tồn thất của TTCK Trung Quốc được xếp vào hàng "khiêm tốn" cũng bốc hơi 16% vốn hóa. Từ tháng tư về sau, chứng khoán toàn cầu lại thể hiện một hình ảnh trái ngược hoàn toàn, hồi phục rất mạnh từ đáy và leo dốc theo hình chữ V. Chỉ số chứng khoán Mỹ (Down Jone) lập kỷ lục và vượt qua vùng đỉnh thời đại 30.000 điểm, Nhật vượt đỉnh 30 năm, Trung Quốc vượt đỉnh 13 năm. Điều này là do lượng tiền có giá vốn thấp đổ mạnh vào các thị trường tài chính khi mà các NHTW trên thế giới đều đồng loạt duy trì các chính sách nới lỏng tiền tệ thông qua các đợt giảm lãi suất hoặc các gói cứu trợ kinh tế để đối phó với những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid_19.
- Các chỉ số vĩ mô của VN tích cực:
 - GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới;
 - CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,17%); (ii) Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28% so với năm trước (làm CPI chung tăng 2,61%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23% (làm CPI chung tăng 1,94... Mặt khác, một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2020: Giá



các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu giảm 23,03% so với năm trước; Nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá của nhóm du lịch trọn gói giảm 6,24% so với năm trước; giá cước vận tải của các loại phương tiện như tàu hỏa, máy bay giảm;

- Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam tăng trở lại mức bình thường và đạt 51,7 điểm trong tháng 12/2020 là một trong những tín hiệu tích cực cho thấy sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam. Điểm số 51,7 là con số tuyệt vời nếu chúng ta nhìn lại sự định trệ của nền kinh tế Việt Nam trong nửa đầu năm 2020 khi mà chỉ số PMI giảm xuống mức kỷ lục 32,4 vào tháng 4/2020.
- Chịu ảnh hưởng lớn từ Covid-19, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam năm 2020 giảm nhẹ đạt 28,53 tỷ USD, bằng 75% so với cùng kỳ năm trước đó. Trong đó, có 2.523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, giảm 35% về số dự án và giảm 12,5% về số vốn đăng ký so với năm trước. Nhìn chung, mức sụt giảm của tổng vốn đầu tư nước ngoài là không quá lớn và các nhà đầu tư nước ngoài vẫn quan tâm và có nhu cầu đầu tư cao vào Việt Nam.
- NHNN hạ lãi suất điều hành hỗ trợ nền kinh tế vượt qua khó khăn của đại dịch. Tính chung cả năm 2020, NHNN đã 3 lần giảm đồng bộ các mức lãi suất với quy mô cắt giảm tương đối mạnh, tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành, giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện về mức 4,5%/năm). Chính sách tiền tệ nới lỏng của NHNN đã tạo ra một nguồn vốn giá rẻ. Một phần trong đó đã chảy vào và hỗ trợ TTCK tăng điểm rất tốt.
- Nhà đầu tư mới F0 điểm sáng của TTCK năm 2020. Theo Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD), nhà đầu tư cá nhân trong nước đã mở mới tổng cộng 392.527 tài khoản giao dịch chứng khoán trong năm 2020, tăng 109% so với cả năm 2019 (mở mới 187.825 tài khoản). Dòng tiền mới mạnh mẽ tham gia thị trường tạo ra bộ đỡ về thanh khoản và là một trong những nguyên nhân chính giúp cho làn sóng hồi phục của TTCK kéo dài và tăng mạnh.

Khó khăn:

- Nhà đầu tư nước ngoài rút vốn rông khỏi thị trường chứng khoán là một trong yếu tố tiêu cực. Nhà đầu tư nước ngoài đã có một năm bán rông kỷ lục với giá trị lên tới gần 18.900 tỷ đồng, tương đương gần 822 triệu USD. Theo thống kê giao dịch trên sàn HOSE, khối ngoại đã bán rông tới 9 tháng và chỉ mua rông 3 tháng, tổng cộng bán rông tới hơn 15.210 tỷ đồng.
- Khoảng từ giữa tháng 12/2020 khi thanh khoản trên TTCK tăng cao, hệ thống giao dịch của HoSE gặp trục trặc nhiều lệnh đặt giao dịch của nhà đầu tư từ các công ty chứng khoán kết nối với Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM (HoSE) bị chậm ghi nhận, bị treo, hoặc chậm trả kết quả. Tình trạng lỗi hệ thống liên tục xảy ra khi giá trị thanh khoản vượt ngưỡng 14.000 tỉ đồng, đặc biệt là vào phiên chiều khi các lệnh giao dịch được đặt nhiều, thanh khoản lớn. Khả năng phải sang năm mới 2021 mới có thể nâng cấp hệ thống giao dịch điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM.

- Áp lực cạnh tranh trên thị trường chứng khoán là rất lớn. Thứ nhất, là cuộc đua khốc liệt về biểu phí và lãi suất do các công ty nước ngoài với lợi thế về giá vốn rẻ khởi sướng từ 2019 vẫn tiếp diễn trong năm 2020. Thứ hai, là cuộc đua về đổi mới công nghệ mà một trong những công ty nổi bật nhất trên thị trường đó là VPS với những hệ thống công nghệ cao như tính năng mở tài khoản tự động Ekyc, robot tư vấn...

2. Công tác của HĐQT trong năm 2020

- Nghị quyết HĐQT số 01/2020/NQ/VFS-HĐQT thông qua thay đổi mẫu dấu, quyết định số lượng con dấu của Công ty là 02 vào ngày 09/01/2020;
- Nghị quyết số 02/2020/NQ/VFS-HĐQT thông qua triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 12/03/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 03 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và ủy quyền cho ông Trần Anh Thắng - Chủ tịch HĐQT ký và ban hành các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 06/04/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 04/2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua đăng ký lưu ký cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 11/05/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 05 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua phương án ký hợp đồng kiểm toán năm 2020 với Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam vào ngày 19/05/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 06 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2020 vào ngày 21/05/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 07 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua chủ trương đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh vào ngày 21/05/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 08 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua quyết định vay nợ của công ty cổ phần tư vấn và đầu tư TC An Bình vào ngày 29/05/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 09 /2020/NQ/VFS-HĐQT, chấp thuận đơn xin từ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc của ông Lê Thanh Tùng vào ngày 29/06/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 10 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua ký kết hợp đồng đại lý phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber vào ngày 15/09/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 11 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber vào ngày 18/12/2020;
- Nghị quyết HĐQT số 12 /2020/NQ/VFS-HĐQT, thông qua phương án đầu tư cổ phiếu trong hoạt động tư doanh vào ngày 18/12/2020;
- Tiếp tục chỉ đạo hoạt động mở rộng mạng lưới kinh doanh, đa dạng các sản phẩm Dịch vụ tài chính, tập trung cho hoạt động Môi giới và Tự doanh trên cơ sở tăng cường quản

100
CÔNG
CỔ PHẦN
CHỨNG
KHẨN
NHẤT
T.P

trị rủi ro, bảo đảm an toàn vốn. Đồng thời, quản trị hiệu quả chi phí hoạt động công ty trong suốt năm 2020.

3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020

- Tổng doanh thu: 81,219 tỷ đồng, đạt 155,6% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 67% so thực hiện năm 2019.
- Tổng chi phí: 40,925 tỷ đồng, tăng 9,92% so với năm 2019, đồng thời giảm -3,56% so với kế hoạch chi phí đặt ra năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế: 40,296 tỷ đồng, bằng 413,3% so kế hoạch 2020 và tăng 357,1% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, lợi nhuận đã thực hiện 29,686 tỷ đồng và lợi nhuận chưa thực hiện 10,609 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế của VFS năm 2020 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019 do thị trường chứng khoán 2020 có những yếu tố thuận lợi đặc biệt và đây là xu thế chung của các công ty trong ngành.

4. Thù lao, chi phí của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, thù lao/phụ cấp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Tờ trình số 06/2020/TTr-HĐQT-VFS về phương án thù lao năm 2020 của HĐQT. Cụ thể như sau:

STT	Bộ phận	Giá trị (đồng)
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	373,333,359
1	Trần Anh Thắng	74,666,672
2	Nguyễn Thế Anh	74,666,672
3	Đào Đức Anh	74,666,672
4	Phan Thành Đạt	74,666,672
5	Nguyễn Thị Thu Bình	74,666,672

5. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

a. Đối với thành viên HĐQT độc lập

Căn cứ theo Quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, hiện có 01 thành viên HĐQT độc lập tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Trong năm 2020, các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập được thực hiện theo đúng Quy định trong Điều lệ Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan.

b. Đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết HĐQT, cụ thể như sau:

- HĐQT kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát (BKS) nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, để từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các trách nhiệm được giao;
- HĐQT chất vấn các vấn đề lớn trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám Đốc.

- Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 được ĐHĐCĐ phê duyệt.

c. Đối với Tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện có 01 Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT theo Nghị quyết HĐQT số 15/2019/NQ/VFS-HĐQT. HĐQT thông qua người phụ trách Tiểu ban quản trị rủi ro thực thuộc HĐQT thực hiện các hoạt động quản trị rủi ro của Công ty.

Trong năm 2020, Tiểu ban Quản trị rủi ro đã hoạt động trên tinh thần độc lập, khách quan, trung thực nhằm mục đích tối thiểu hóa thiệt hại cho VFS và khách hàng, đảm bảo quá trình hoạt động của công ty được diễn ra thông suốt, liên tục, an toàn, chính xác, hiệu quả, tăng cường khả năng đạt được các mục tiêu đã hoạch định.

6. Giao dịch với các bên liên quan

a. Giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

- *Giao dịch 1: Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ, giá trị giao dịch là 0,15% giá trị giao dịch của nhà đầu tư*
 - *Tên tổ chức/cá nhân:* Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber
 - *Mối quan hệ liên quan:* Người có liên quan của người nội bộ
 - Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH: 39/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 08/10/2008
 - Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ: Tầng 9A, Tòa nhà Leadvisors Place, Số 41A Lý Thái Tổ, P.Lý Thái Tổ, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Thời điểm giao dịch với công ty: 16/12/2020
 - Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT: 10/2020/NQ/VFS-HĐQT ban hành 15/09/2020
- *Giao dịch 2: Hợp đồng dịch vụ tư vấn, tổng giá trị 800 (Tám trăm) triệu đồng*
 - *Tên tổ chức/cá nhân:* Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber
 - *Mối quan hệ liên quan:* Người có liên quan của người nội bộ
 - Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH: 39/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 08/10/2008
 - Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ: Tầng 9A, Tòa nhà Leadvisors Place, Số 41A Lý Thái Tổ, P.Lý Thái Tổ, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Thời điểm giao dịch với công ty: 18/12/2020
 - Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT: 11/2020/NQ/VFS-HĐQT ban hành 18/12/2020

b. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: không có



II. Định hướng hoạt động 2021

1. Cơ sở định hướng hoạt động kinh doanh năm 2021

Nền kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ tiếp tục đối mặt với những rủi ro và thuận lợi sau:

Về Rủi ro:

- Dịch bệnh COVID- 19 với nhiều biến chủng mới tiếp tục diễn biến phức tạp cộng với quá trình phân phối và sản xuất vắc-xin vẫn còn nhiều khó khăn gây gián đoạn chuỗi cung ứng và suy giảm kinh tế toàn cầu và Việt Nam. Riêng Việt Nam, dự kiến phải sang năm 2022 mới có đủ vắc – xin để tiêm chủng cho toàn bộ người dân. Vì vậy, rủi ro bùng phát và lan rộng COVID-19 vẫn là một rủi ro đáng kể trong năm 2021.
- Chứng khoán thế giới mà đầu tàu là chứng khoán Mỹ có dấu hiệu “bong bóng”. Kể từ thời điểm Dow Jones tạo đáy vào ngày 23/03/2020 ở mức 18.213 điểm thì tính đến cuối năm, tức 9 tháng sau đó chỉ số đã đạt mức 30.637 vào ngày 31/12/2020 tăng 68.2%. Mức phục hồi từ đáy hình chữ V này là quá nhanh và cho thấy dấu hiệu của bong bóng tài sản dần hình thành. Đặc biệt khi mà COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, doanh nghiệp kinh doanh khó khăn, tổng cầu nền kinh tế suy giảm. Dự báo là thị trường trong năm 2021 sẽ vẫn đi lên nhưng khó khăn hơn và có thể có những biến động sụt giảm mạnh chứ không tăng đều như 2020 nữa.
- TTCK Việt Nam sau năm 2020 tăng mạnh thì định giá đã có sự tăng lên đáng kể từ mức PE khoảng 11 vào cuối tháng 3/2020 đã tăng lên đến 19 vào cuối năm 2020 làm giảm đi yếu tố hấp dẫn của thị trường trong năm 2021.
- Các căng thẳng địa chính trị, chiến tranh thương mại tiếp tục tiềm ẩn những rủi ro. Đặc biệt, hướng đi của cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc ở nhiệm kỳ Tổng thống đắc cử Biden vẫn là điều cần phải quan tâm và lưu ý.

Bên cạnh đó, cũng sẽ xuất hiện những cơ hội:

- Các quốc gia và khu vực chủ chốt như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản duy trì lãi suất thấp và các gói hỗ trợ kinh tế. Kinh tế thế giới hồi phục từ mức tăng trưởng âm của năm 2019 và tiến trình kiểm soát dịch bệnh khởi sắc thông qua triển khai rộng rãi vaccine ở các nước phát triển sẽ là yếu tố thuận lợi duy trì sự tích cực của TTCK.
- Việt Nam đã tham gia 3 hiệp định thương mại (FTA) trong năm 2020, mở ra thị trường rộng lớn chưa từng có gồm Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực RCEP và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA), nâng tổng số hiệp định tự do thương mại mà Việt Nam tham gia lên con số 14. Nhiều ngành nghề sẽ được hưởng lợi lớn như: dệt may, thủy sản, đồ gỗ...
- Thị trường đang thu hút mạnh mẽ dòng vốn nhà đầu tư trong nước và liên tiếp tạo lập kỷ lục về thanh khoản. Mặt bằng lãi suất thấp sẽ giữ chân nhà đầu tư trong nước nửa đầu 2021 trong khi thị trường có cơ hội thu hút dòng vốn ngoại cùng với xu hướng chuyển dịch dòng tiền sang thị trường cận biên đã bắt đầu xuất hiện vào cuối năm 2020.

Tương quan hấp dẫn giữa tăng trưởng và định giá hợp lý của Việt Nam so với các thị trường khu vực cũng là yếu tố thúc đẩy thị trường.

- Môi trường pháp lý tiếp tục được hoàn thiện khi Luật chứng khoán sửa đổi có hiệu lực trong năm 2021, là văn bản pháp lý cao nhất kiện toàn các thành phần điều hành thị trường, cơ sở cho ra đời các sản phẩm mới hỗ trợ NĐT và qua đó có thể nâng hạng thị trường. Động thái tích cực cho thấy những nỗ lực phát triển thị trường chứng khoán của cơ quan quản lý và việc nâng hạng sẽ chỉ còn là vấn đề thời gian.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021 xây dựng trên cơ sở kế hoạch tăng Vốn Điều lệ công ty lên 802,5 tỉ đồng thành công.

Trên cơ sở những nhận định trên, HĐQT định hướng hoạt động kinh doanh năm 2021 như sau:

- a) Dự kiến tăng vốn điều lệ công ty từ 410 tỷ đồng lên 802,5 tỷ đồng thông qua (1) chào bán cổ phiếu ra công chúng (102,5 tỷ đồng) theo phương thức phát hành thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu tỉ lệ 4:1 trên vốn 410 tỷ đồng và (2) chào bán riêng lẻ (290 tỷ đồng). Mục đích của đợt tăng vốn này nhằm gia tăng nguồn vốn trung, dài hạn cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh mà đặc biệt tập trung các mảng đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và tự doanh chứng khoán (292,5 tỷ đồng), tăng vốn lưu động công ty bao gồm dịch vụ cho vay chứng khoán,... (100 tỷ đồng);
- b) Dự kiến VFS sẽ chuyển sàn giao dịch Upcom sang Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HSX) trong năm 2021. Điều này sẽ giúp tăng tính thanh khoản và giá trị của doanh nghiệp trên thị trường.
- c) Tập trung phát triển mạnh mẽ Dịch vụ Môi giới và đa dạng sản phẩm Dịch vụ tài chính; Ứng dụng công nghệ trong quá trình triển khai các sản phẩm nhằm đưa ra nhiều sản phẩm thuận tiện trong giao dịch, an toàn và đảm bảo tính bảo mật cao phù hợp nhu cầu của khách hàng.
- d) Xây dựng mảng Tư vấn trở thành một mảng kinh doanh trọng yếu; Tăng cường số lượng chuyên viên tư vấn, nâng cao kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ, mở rộng hệ thống khách hàng mới. Qua đó, đẩy mạnh các mảng nghiệp vụ tư vấn chào bán chứng khoán, tư vấn niêm yết, tái cấu trúc doanh nghiệp...
- e) Các quy định mới về TTCK dự kiến áp dụng vào nửa cuối năm 2021 sẽ thúc đẩy sự phát triển TTCK Việt Nam nói chung. Các yếu tố vĩ mô lãi suất thấp, đầu tư công, dịch bệnh được kiểm soát sẽ giúp TTCK năm 2021 tiếp tục được kỳ vọng sẽ là một năm tích cực. Việc tìm kiếm và nắm bắt cơ hội đầu tư Tự doanh chứng khoán cho Công ty cũng sẽ là một trong những hoạt động trọng tâm của công ty trong năm nay.

Với tinh thần đó, HĐQT kính trình Đại hội thông qua các hoạt động chính sau:

- i. Phát hành cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty lên 802,5 tỷ đồng;
- ii. Chuyển đăng ký giao dịch VFS tại Upcom sang niêm yết sàn HSX trong năm 2021
- iii. Các chỉ tiêu chính Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

Tổng doanh thu: 93,182 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2020

Tổng Chi phí: 47,731 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2020

Lợi nhuận trước thuế: 36,360 tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện năm 2020

Trên đây là Báo Cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội Đồng cổ thường niên năm 2021. HĐQT rất mong nhận được các ý kiến và đóng góp của Quý vị Cổ đông để cùng VFS tìm được những chính sách và hướng đi hiệu quả trong năm 2021.

Trân trọng cảm ơn Đại Hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN ANH THẮNG



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC ĐHCD NĂM 2021

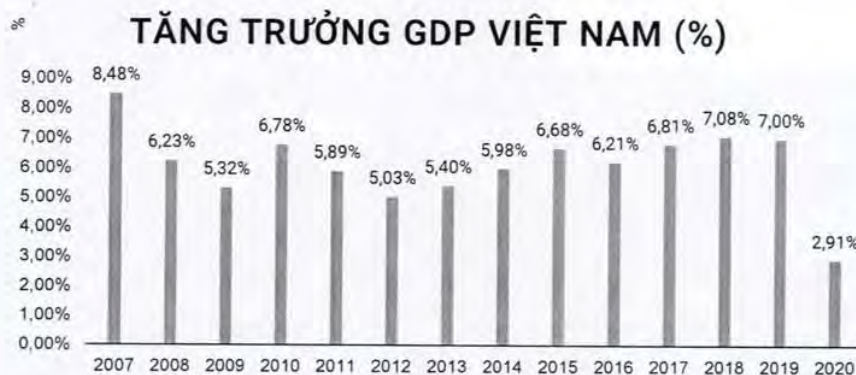
04-2021



- 1** Thị trường năm 2020
- 2** Hoạt động VFS năm 2020
- 3** Kế hoạch kinh doanh VFS 2021



KINH TẾ VIỆT NAM PHỤC HỒI ẢO TƯỢNG



GDP đạt mức thấp kỷ lục nhưng vẫn tích cực

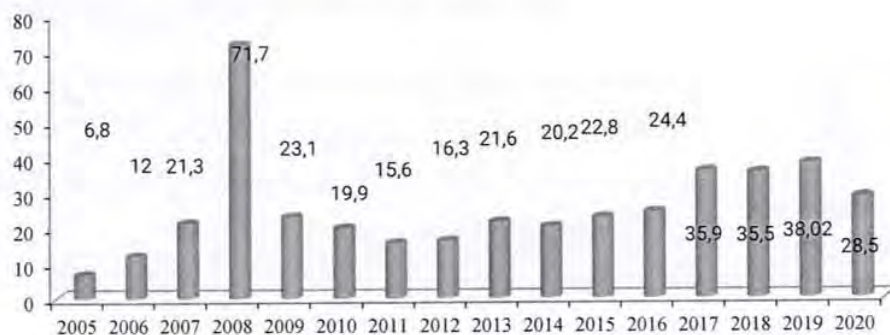
- Tăng trưởng GDP 2020 đạt 2,91% thấp kỷ lục trong vòng 10 năm do tác động tiêu cực của dịch Covid-19.
- Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là một trong số những quốc gia ít ỏi có mức tăng trưởng dương trong thời kỳ đại dịch.

CPI được kiểm soát tốt dưới 4%

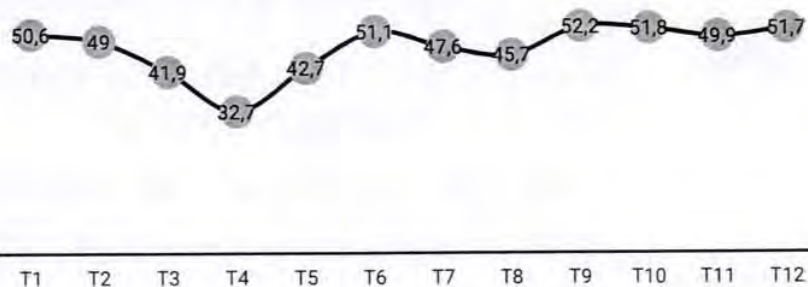
- Chỉ số CPI bình quân được Chính phủ Việt Nam kiểm soát tốt trong năm 2020, tăng 3,23% so với năm 2019.
- Nguyên nhân do giá gạo tăng theo giá xuất khẩu và giá xăng dầu phục hồi trở lại vào cuối năm 2020.

KINH TẾ VIỆT NAM PHỤC HỒI ẦN TƯỢNG

FDI Việt Nam qua các năm (Tỷ USD)



PMI Việt Nam theo tháng năm 2020



Việt Nam vẫn là điểm đến đầu tư an toàn

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đạt 28,53 tỷ đồng, giảm 25% so với năm 2019, tuy nhiên vẫn là kết quả đánh ghi nhận trong bối cảnh đại dịch.
- Đứng đầu là Hàn Quốc (70,6 tỷ USD), tiếp theo là Nhật Bản (60,3 tỷ USD), sau đó là Singapore, Đài Loan và Hồng Kong

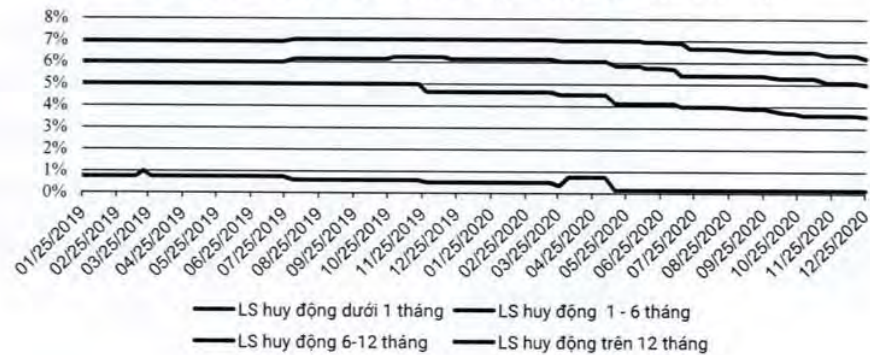
Chỉ số PMI phục hồi vào những tháng cuối năm

- Xu hướng của PMI cho thấy lĩnh vực sản xuất của Việt Nam có dấu hiệu tích cực vào cuối năm 2020 và động lực tăng trưởng vào năm 2021 khi các công ty tin tưởng vào triển vọng phục hồi trở lại khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát



KINH TẾ VIỆT NAM PHỤC HỒI ẢO TƯỢNG

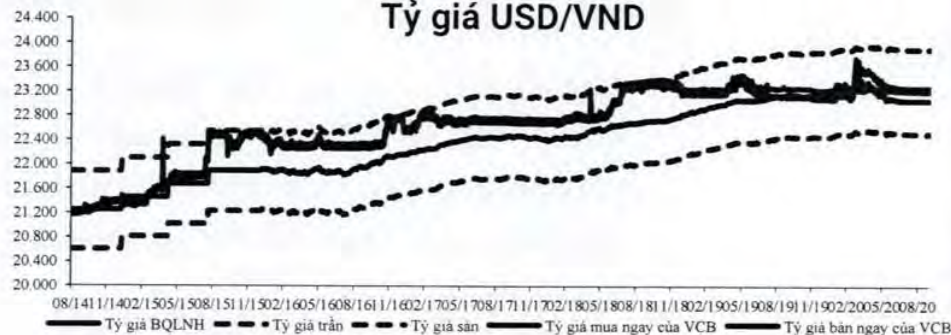
Lãi suất huy động trung bình (Đơn vị: %)



Lãi suất duy trì mặt bằng chung thấp

Trong năm 2020, NHNN đã 3 lần hạ lãi suất điều hành vào tháng 3, tháng 5 và tháng 10 năm 2020 (-150bps) nhằm kích cầu tín dụng, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua đại dịch Covid-19

Tỷ giá USD/VND



Tỷ giá được kiểm soát ổn định

Tỷ giá USD/VND trong năm 2020 không bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch bệnh, duy trì ổn định do:

- USD suy yếu so với hầu hết các đồng tiền trên thế giới
- Dự trữ ngoại hối dồi dào, vượt 100 tỷ USD vào năm 2020



MỘT NĂM BIẾN ĐỘNG VỚI CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán thế giới chứng kiến một năm đầy biến động do đại dịch khi vào tháng 3, chỉ số MSCI thế giới mất hơn 1/3 giá trị, tương đương 18.000 tỷ đồng.
- Tuy nhiên, Chỉ số MSCI All Country Index kết thúc năm tại mức 646,27 điểm, tăng 16,82% đưa giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán thế giới tăng lên mức 99.000 tỷ USD, tương đương 112% tổng GDP toàn cầu. Nguyên nhân đến từ các chính sách nới lỏng mạnh mẽ từ các NHT như Fed, ECB, BOE ... nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Bank of America ước tính kể từ tháng 3, các ngân hàng trung ương đã chi 1,3 tỷ USD trong mỗi giờ đồng hồ để mua tài sản. Trong năm nay có tổng cộng 190 lần lãi suất được cắt giảm trên toàn thế giới, tương đương cứ 5 ngày giao dịch thì có 4 ngày lãi suất đi xuống.

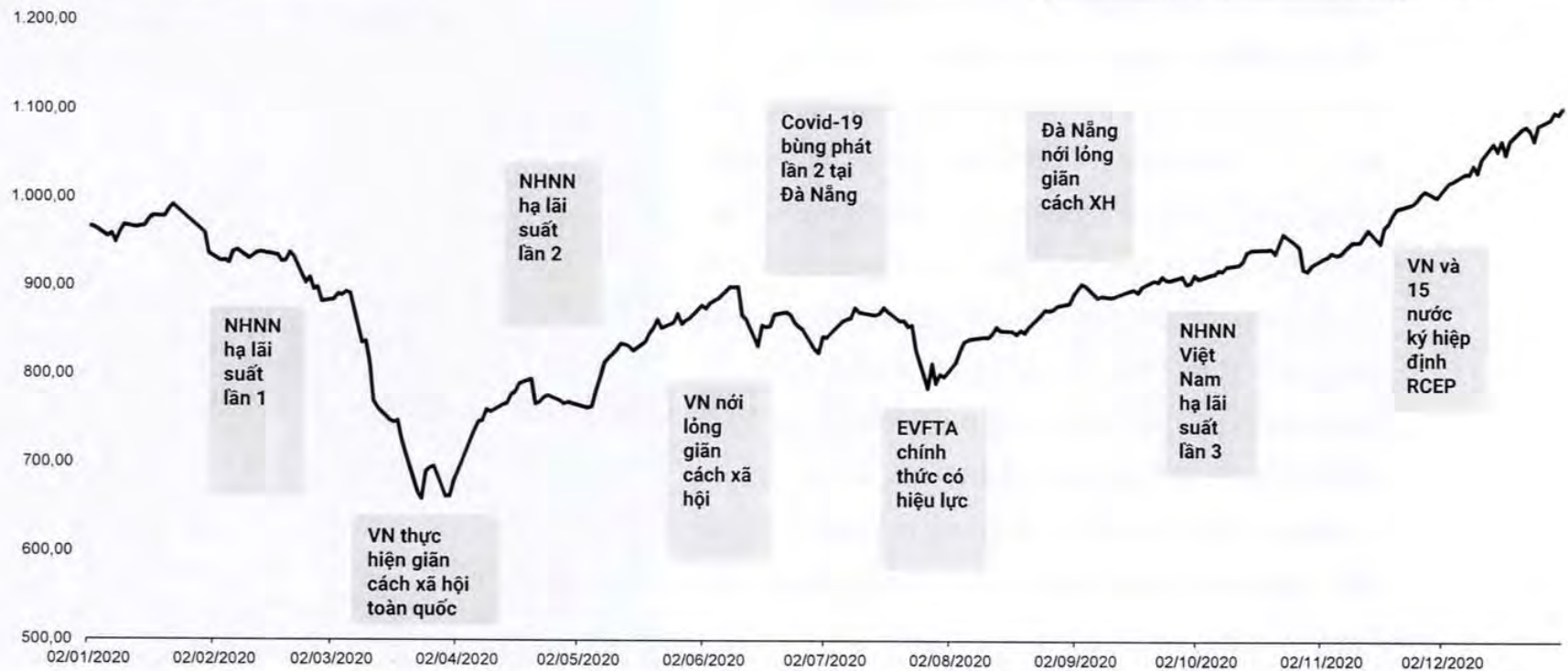




DẤU ẤN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM 2020

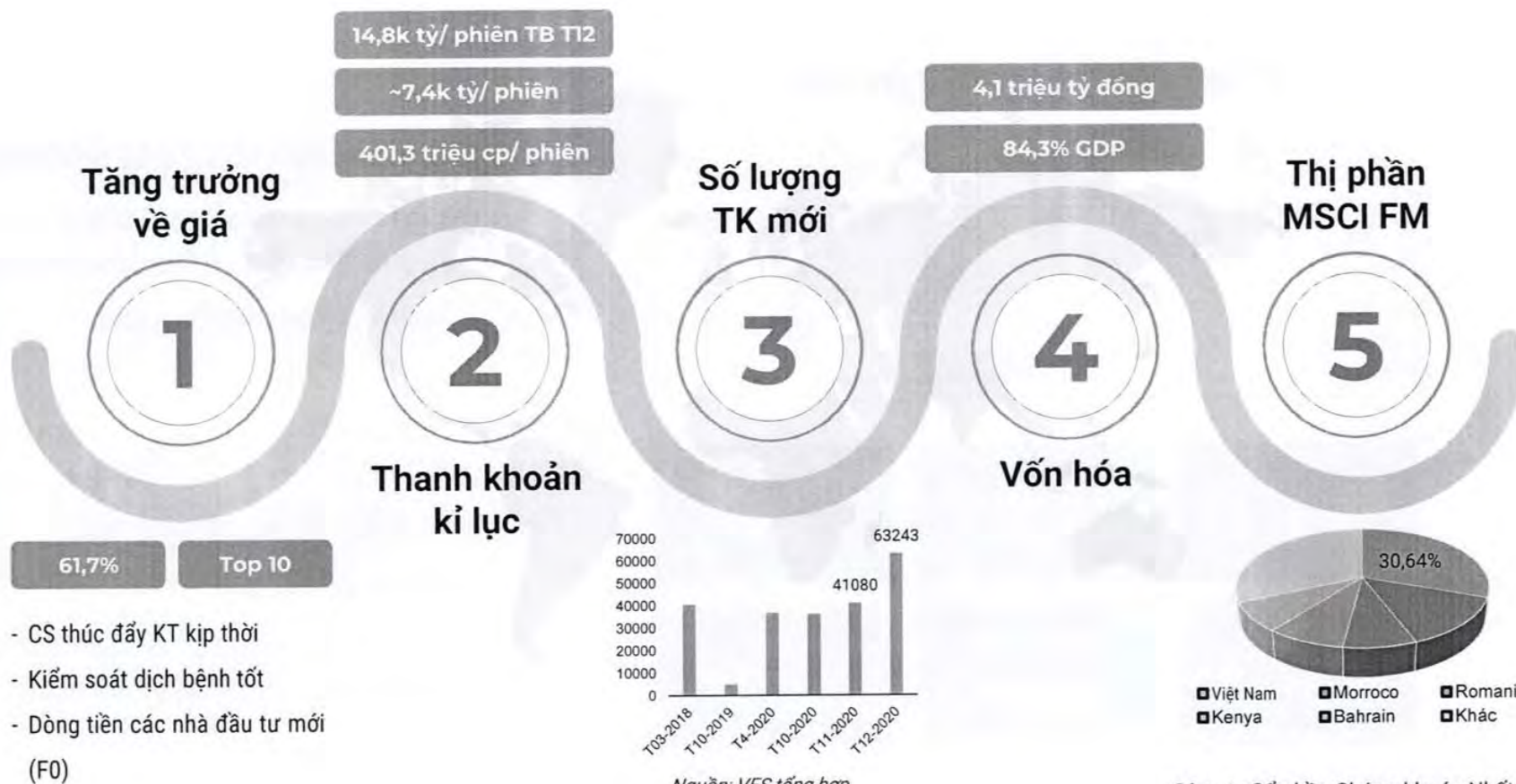
VN-INDEX

Chữ “V” thần kỳ



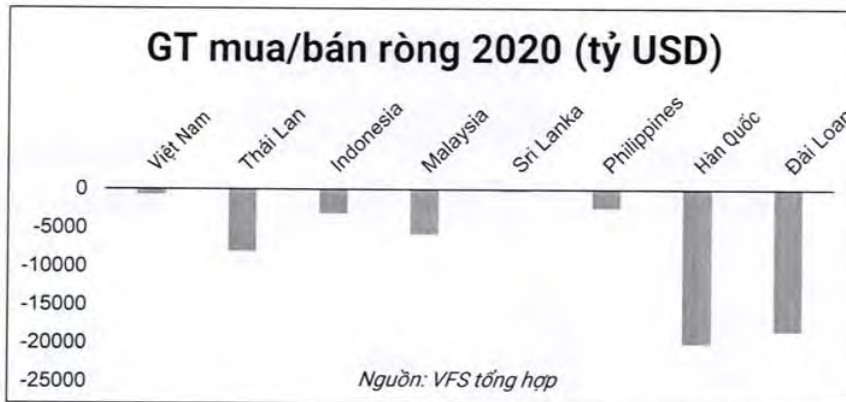
Nguồn: VFS tổng hợp

DẤU ẤN THỊ TRƯỜNG 2020





DẤU ẤN THỊ TRƯỜNG 2020



Một năm bán ròng của NĐT ngoại

- Bán ròng mạnh mẽ vào 2020: Khớp lệnh bán ròng hơn **35.000** tỷ đồng trên sàn HoSE
- Bán ròng giảm dần cuối năm



Một năm bùng nổ quỹ nội

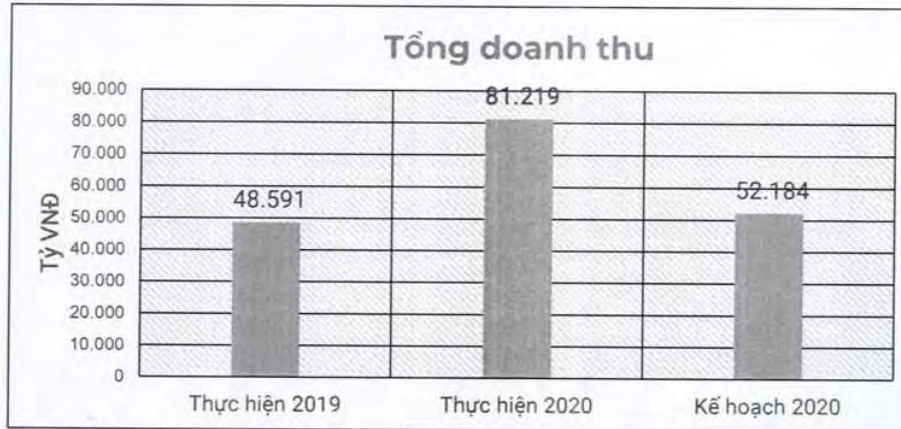
- Sự ra đời hàng loạt
- Thu hút vốn, nước ngoài mua ròng hơn **4.500** tỷ đồng giai đoạn cuối năm



II. HOẠT ĐỘNG CỦA VFS NĂM 2020

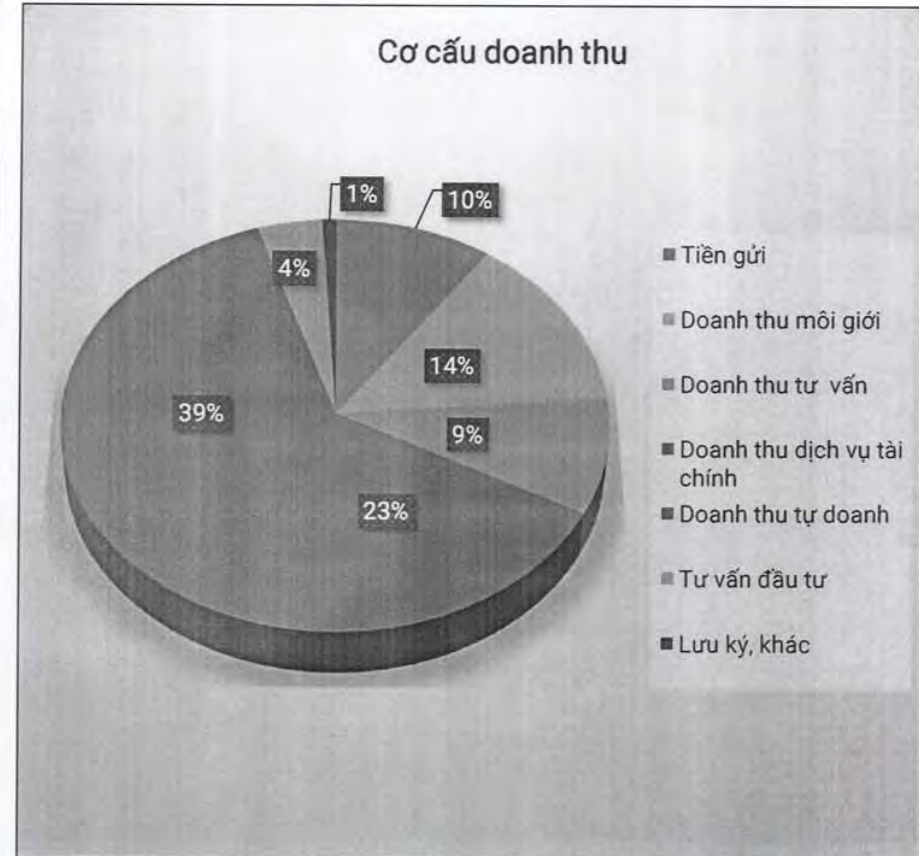


DOANH THU NĂM 2020: VƯỢT KẾ HOẠCH

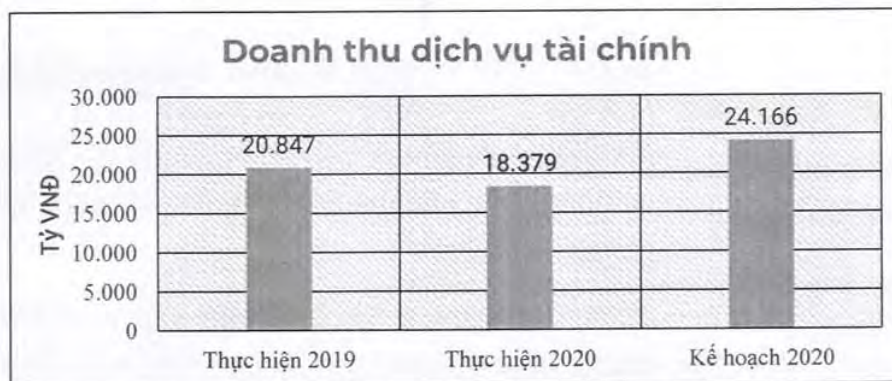
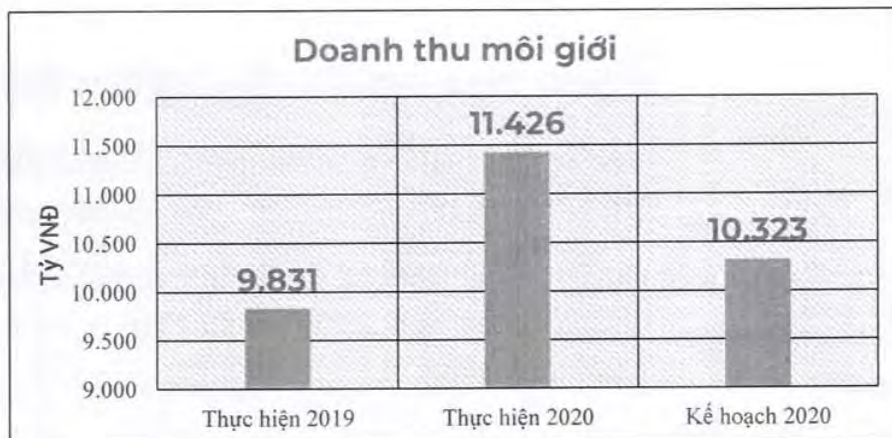


Doanh thu vượt kế hoạch

- Năm 2020, Tổng doanh thu đạt 81,219 tỷ đồng, +67,4% so với 2019. Trong đó, Doanh thu Môi giới 11,426 tỷ đồng chiếm 14%; Doanh thu Dịch vụ đạt 18,379 tỷ đồng chiếm 23%; Doanh thu Tự doanh 32,155 tỷ đồng chiếm 39%; Doanh thu Tư vấn đạt 7,271 tỷ đồng chiếm 9%. Nhóm doanh thu còn lại chiếm 15%.



CƠ CẤU DOANH THU



Doanh thu môi giới tăng trưởng tích cực

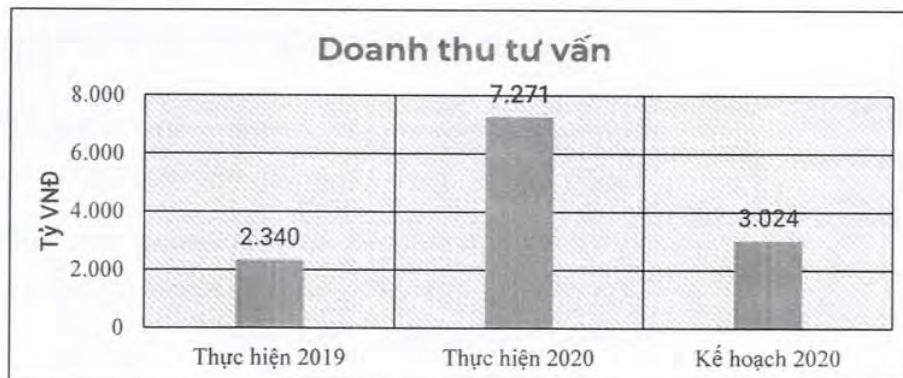
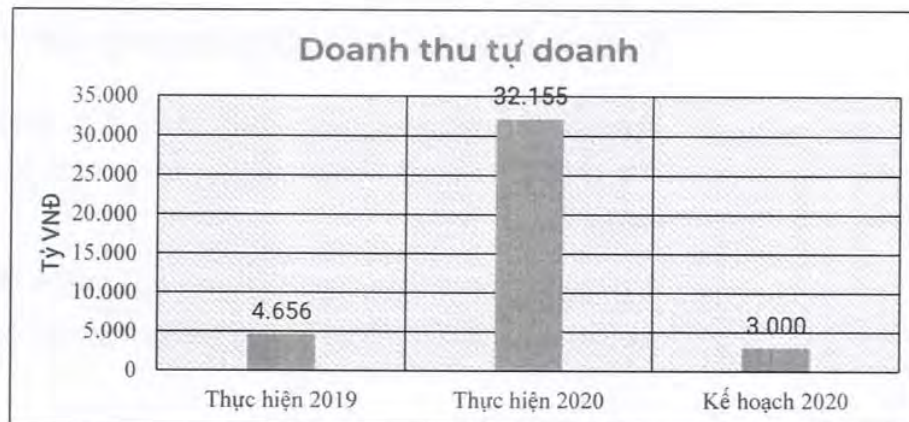
- Doanh thu môi giới năm 2020 là 11,426 tỷ đồng, vượt 10,68% so với kế hoạch đề ra, tăng 16% so với năm 2019.
- Nguyên nhân đến từ sự bùng nổ của thị trường chứng khoán năm 2020, nhiều khách hàng mở mới tài khoản.

Doanh thu từ dịch vụ tài chính suy giảm

- Doanh thu dịch vụ tài chính năm 2020 thấp hơn kế hoạch 31,5%, giảm 13,4% so với năm 2019
- Nguyên nhân đến từ sự thận trọng của công ty trong việc cho vay margin trong bối cảnh dư nợ margin nhiều công ty chứng khoán đạt đỉnh.



CƠ CẤU DOANH THU



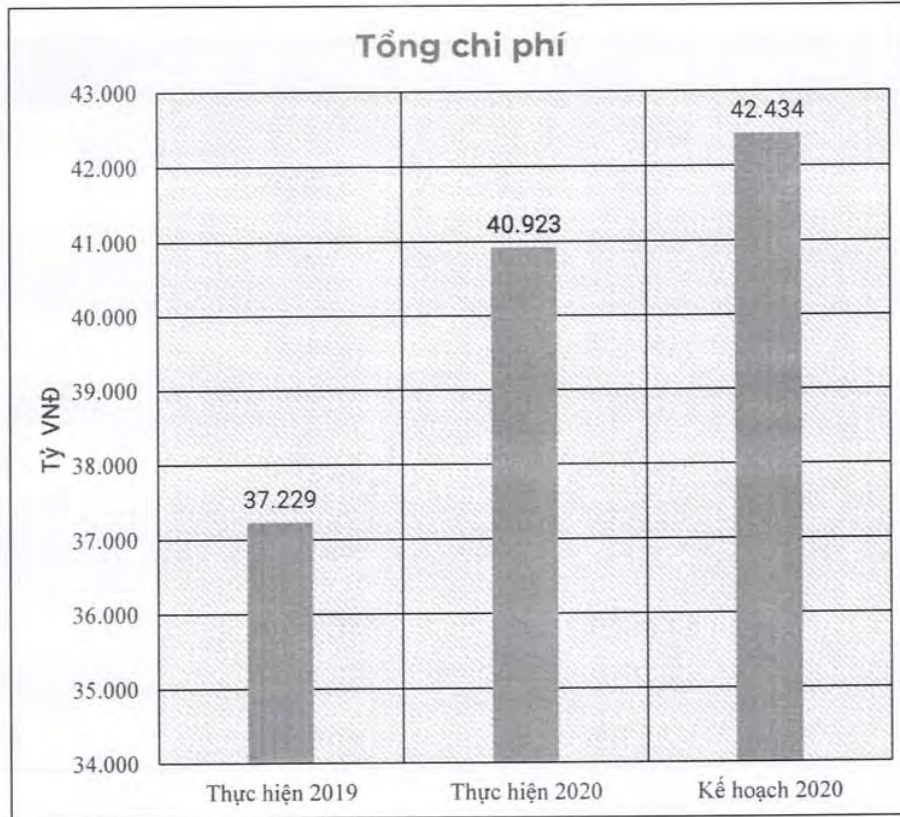
Doanh thu tự doanh tăng trưởng tích cực

- Doanh thu mảng tự doanh đạt 32,155 tỷ đồng, gấp 10 lần kế hoạch đề ra, tăng gấp 7 lần so với năm 2019.
- Nguyên nhân đến từ đà tăng tích cực của thị trường chứng khoán năm 2020 và sự thận trọng hơn của bộ phận tự doanh

Doanh thu tư vấn doanh nghiệp tăng đột biến

- Doanh thu tư vấn doanh nghiệp tăng đột biến, đạt 7,721 tỷ đồng, gấp 2,4 lần kế hoạch đề ra và tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ 2019
- Mức tăng trưởng đột biến này đến từ chính sách đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính đề ra từ đầu năm

TỔNG CHI PHÍ NĂM 2020



Tổng chi phí năm 2020 thấp hơn mức kế hoạch

Tổng chi phí hoạt động của VFS năm 2020 đạt 42,434 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2019, nhưng thấp hơn 3,5% so với mức dự kiến.

Nguyên nhân:

- Do chi phí nghiệp vụ môi giới gia tăng 67% so với cùng kỳ và chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán tăng 17% so với năm 2019

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

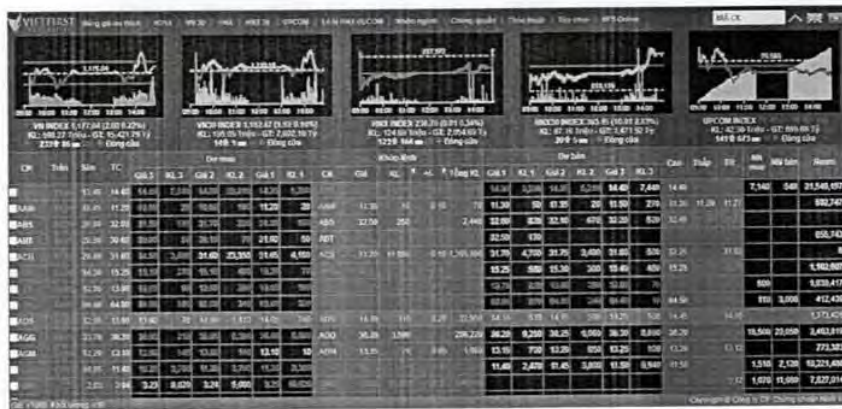
Năm (triệu đồng)	2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% so với TH 2019
Tổng doanh thu	48.591	52.184	81.219	67%
Tiền gửi	6.712	7.367	7.952	18%
Doanh thu dịch vụ tài chính	20.847	24.166	18.379	-12%
Doanh thu môi giới	9.831	10.323	11.426	16%
Doanh thu tư vấn	2.340	3.024	7.271	211%
Doanh thu Tự doanh	4.656	3.000	32.155	591%
Lưu ký, Tư vấn đầu tư, khác	4.205	4.304	4.036	-4%
Tổng chi phí	37.229	42.434	40.923	10%
Lợi nhuận trước thuế	11.285	9.750	40.296	257%
Lợi nhuận sau thuế	6.720	7.799	36.061	436%

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020



Chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán

- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận đăng kí giao dịch 41 triệu cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt trên sàn UPCoM với mã VFS.



Thay đổi công nghệ lõi

- Tháng 05/2020, VFS chính thức đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm giao dịch vào quản lý chứng khoán VGAIA từ Nhật Bản.



III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

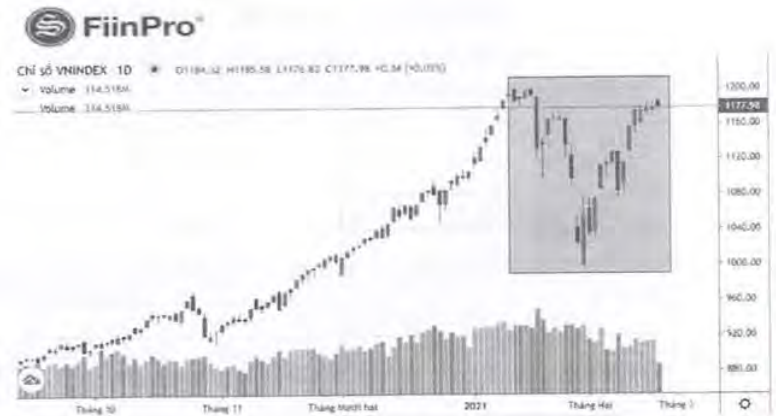


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ĐẦU NĂM 2021



Thị trường rung lắc mạnh

- Kết thúc năm 2020, VN-Index đóng cửa tại mức điểm 1103,87 tăng 14,3% so với đầu năm. Kể từ đó đến giữa tháng 1, VN-Index đã có 2 lần test mức đỉnh 1200 không thành công vào ngày 13/01 và 18/01.
- Ngày 19/01, VN-Index điều chỉnh mạnh mất hơn 70 điểm, mở đầu cho một xu hướng giảm, kéo dài tới cuối tháng 1, chạm mức đáy 998,33 điểm. Kể từ đó tới nay thị trường đã đảo chiều tăng lên vùng 117x -118x. (+18%). Khối ngoại bán mạnh hơn 1400 đồng tỷ trong tháng 1.
- Giai đoạn tháng 2, thanh khoản thị trường sụt giảm (-20%) do tâm lý chốt lời của giới đầu tư trước kỳ nghỉ Tết nguyên đán. Ngoài ra rủi ro về dịch bệnh quay trở lại khi chủng mới của virus Covid-19 xuất hiện ở Việt Nam vào ngày 25/01/2021





DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2021



Kinh tế hồi phục & Triển vọng vắc xin

- GDP dự kiến 2021: 6,5%
- Lô vắc-xin đầu tiên đã được nhập khẩu về Việt Nam vào ngày 24/02



Hội nhập quốc tế, Hiệp định thương mại

- Mở rộng thị trường, nâng cao thương hiệu Việt, năng lực cạnh tranh quốc gia
- Triển vọng từ các HD EVFTA, RCEP, CPTPP



Xu hướng dòng tiền

- Nội: Mặt bằng LS thấp: Dòng tiền cá nhân F0 sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy TTCK
- Ngoại: Fed duy trì chính sách nới lỏng, USD suy yếu: Dòng tiền đến TT mới nổi, cận biên



Luật CK sửa đổi, nâng hạng TT EM

- Thông tư 120 của BTC về T+0 và bán khống đã được áp dụng tuy nhiên nền tảng công nghệ của Việt Nam chưa đáp ứng được
- Nới room NĐTNN

Các yếu tố rủi ro

- Covid-19 và biến chủng sẽ tiếp tục là rào cản lớn cho kinh tế thế giới và Việt Nam
- Rủi ro bất ổn tài chính toàn cầu
- Chỉ số P/E không còn quá rẻ --> định giá thị trường không còn rẻ nữa, đồng nghĩa với việc các nhịp rung lắc mạnh sẽ thường xuyên xảy ra hơn

Triển vọng

Năm 2021 sẽ tiếp tục là một năm tăng trưởng của TTCK về

- Thanh khoản: +25 - 30%
- Điểm số: + 10- 15%

Tuy nhiên thị trường đang ở vùng điểm cao, tiệm cận đỉnh lịch sử 1200 cùng với rủi ro về đại dịch nên VN-Index sẽ chịu nhiều rung lắc.

VN-Index dự báo sẽ vượt đỉnh 1200 trong năm 2021. Biên độ dao động trong khu vực 950 – 1280 điểm. Các nhóm ngành như ngân hàng, chứng khoán, dệt may, bất động sản, công nghệ ... sẽ là các nhóm tích cực thu hút dòng tiền



ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021 – NÂNG TẦM CAO MỚI

NIÊM YẾT SÀN HOSE

Tăng thanh khoản chất lượng cổ phiếu, Tăng minh bạch thông tin

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Hỗ trợ các sản phẩm kinh doanh Môi giới, Dịch vụ tài chính và Tự doanh

TĂNG CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Đặt trọng tâm vào Môi giới và đa dạng các sản phẩm Dịch vụ tài chính

NÂNG CAO THƯƠNG HIỆU VFS

Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU	
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần
Vốn Điều lệ trước khi phát hành	410.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu chào bán	39.250.000 (Ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	392.500.000.000 (Ba trăm chín mươi hai tỷ năm trăm triệu) đồng
Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán:	802.500.000.000 (Tám trăm linh hai tỷ năm trăm triệu) đồng.
Phương thức phát hành	Chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán riêng lẻ
Thời gian dự kiến chào bán	Sau khi thực hiện xong các thủ tục nội bộ theo quy định của pháp luật, được ĐHĐCĐ thông qua và việc chào bán cổ phiếu sẽ được tiến hành ngay sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG	
Số lượng cổ phần chào bán dự kiến	10.250.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	102.500.000.000 (Một trăm lẻ hai tỷ năm trăm triệu đồng)
Giá chào bán dự kiến	10.000 đồng/Cổ phần
Vốn Điều lệ trước khi phát hành	410.000.000.000 đồng
Đối tượng phát hành	Phát hành cho các cổ đông hiện hữu của VFS có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
Tỉ lệ chào bán	Tỷ lệ 4:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm): Cụ thể mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 04 (bốn) quyền mua sẽ được mua thêm 1 (một) cổ phiếu mới.





KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG	
Xử lý số cổ phiếu không được bán hết	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tượng khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu trong thời hạn Giấy phép chào bán cho phép. Số cổ phiếu được phân phối tiếp này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
Thời hạn đăng ký mua	Tối thiểu 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền tại VFS hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố
Hạn chế chuyển nhượng	Không hạn chế chuyển nhượng
Thời gian thực hiện	Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2021, sau khi được UBCKNN chấp thuận.



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ	
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Tên viết tắt	VFS
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần
Số lượng cổ phần chào bán dự kiến	29.000.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	290.000.000.000 (Hai trăm chín mươi tỷ đồng)
Giá chào bán dự kiến	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và ra quyết định mức giá bán cụ thể cho từng nhà đầu tư, nhưng không thấp hơn mệnh giá



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ- CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ	
Xử lý số cổ phiếu không được bán hết	Số cổ phiếu không bán hết sẽ được hủy bỏ
Đối tượng chào bán	Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp)
Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	Là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ để phát triển Công ty, phù hợp với các quy định pháp luật về cổ đông Công ty Chứng khoán
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần mới được chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
Thời gian thực hiện	Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2021, sau khi được UBCKNN chấp thuận.



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

MỤC ĐÍCH TĂNG VỐN

Nhu cầu vốn	Giá trị (đồng)
- Tăng vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán:	292.500.000.000
+ Đầu tư cổ phiếu:	47.500.000.000
+ Đầu tư trái phiếu:	245.000.000.000
- Tăng vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ:	100.000.000.000
Tổng cộng	392.500.000.000

KẾ HOẠCH NIÊM YẾT HOSE

PHƯƠNG ÁN NIÊM YẾT HOSE	
Phương án	Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu VFS tại Upcom và chuyển sang đăng ký niêm yết tại HOSE
Mã chứng khoán	VFS
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết	Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm đăng ký niêm yết
Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ	Năm 2021
Ủy quyền HĐQT	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết triển khai các công việc liên quan để thực hiện chuyển sàn giao dịch- Lựa chọn thời điểm thích hợp tiến hành chuyển sàn giao dịch- Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng có liên quan



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2021

ĐV. Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	So sánh năm 2020
Tổng doanh thu	81.219	93.182	15%
Doanh thu Môi giới	11.426	14.282	25%
Doanh thu Dịch vụ	18.379	29.701	62%
Doanh thu tự doanh	32.155	25.100	-22%
Doanh thu tư vấn	7.271	8.725	20%
Lãi tiền gửi	7.952	8.471	7%
Doanh thu khác	4.036	6.903	71%
Tổng chi phí	40.923	47.731	17%
Lợi nhuận sau thuế	36.061	36.360	1%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN NHẬT VIỆT

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

O novo significado do Trabalho

e o futuro da Gestão

O novo significado do Trabalho
e o futuro da Gestão



O novo significado do Trabalho
e o futuro da Gestão

O novo significado do Trabalho
e o futuro da Gestão

O novo significado do Trabalho

e o futuro da Gestão

Associação - Projetos

Associação - Projetos





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**

-----oOo-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Số: 03/2021/BC-BKS-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ vào quy chế làm việc của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (VFS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban kiểm soát VFS năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

PHẦN A: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2020

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020

1. Công tác tổ chức

Năm 2020, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt gồm có 03 thành viên bao gồm: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 Thành viên Ban kiểm soát. Trong năm 2020, Ban kiểm soát của Công ty không có sự thay đổi nhân sự, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Văn Dương	Trưởng BKS
2	Cù Mạnh Đạt	Thành viên BKS
3	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS

2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ban kiểm soát để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của ban, họp xây dựng bổ sung kế hoạch hoạt động năm 2020, tổng kết các hoạt động và đề ra kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát.
- Sau đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch bổ sung cho kế hoạch hoạt động đầu năm và đã họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát.
- Ban Kiểm soát đã kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các văn bản, báo cáo định kỳ của các Phòng chuyên môn.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách pháp luật, chế độ của Nhà nước, các quy định của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành hoạt động của Ban giám đốc.
- Phối hợp với Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam giám sát việc thực hiện soát xét Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 và báo cáo tài chính bán niên năm 2021; kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

3. Kết quả kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty:

- Công tác điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong năm 2020 đã tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các quy định pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp để quản lý các hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Giám đốc. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.
- Ban Giám đốc Công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Giám đốc đã đánh giá đầy đủ các thuận lợi, khó khăn, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội. Đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sát sao mọi hoạt động của Công ty. Thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn, tích cực mở

rộng thị trường. Thực hiện giải pháp hiệu quả về công tác quản lý cán bộ, tiền lương, tiền thưởng và mô hình quản trị của Công ty để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các bộ phận, phòng ban. Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực về vốn, tài sản và lao động, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giúp tiết kiệm chi phí.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do VFS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do VFS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	MQH liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua
1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber	Người có liên quan của người nội bộ	39/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 08/10/2008	Tầng 9A, Tòa nhà Leadvisors Place, Số 41A Lý Thái Tổ, P.Lý Thái Tổ, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	16/12/2020	10/2020/NQ/VFS-HĐQT ban hành ngày 15/09/2020
2	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber	Người có liên quan của người nội bộ	39/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 08/10/2008	Tầng 9A, Tòa nhà Leadvisors Place, Số 41A Lý Thái Tổ, P.Lý Thái Tổ, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	18/12/2020	11/2020/NQ/VFS-HĐQT ban hành ngày 18/12/2020



- Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

STT	Tên Tổ chức	Mối quan hệ	Giao dịch	Số Nghị quyết thông qua
1	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Ông Lê Mạnh Linh và Ông Trần Anh Thắng là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà là đồng thời là Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT của VFS	Ký hợp đồng mở Tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán tại VFS	01/2018/NQ/VFS-HĐQT ngày 05/03/2018
2	Công Ty Cổ phần Ô tô Á Châu Việt Nam	Giám đốc Công Ty CP Ô tô Á Châu Việt Nam là ông Nguyễn Thế Anh, đồng thời là Thành viên HĐQT của VFS	Thông qua ký hợp đồng đại lý phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với Công Ty CP Ô tô Á Châu Việt Nam	07/2018/NQ/VFS-HĐQT ngày 08/09/2018
3	Công Ty Cổ phần AFG Việt Nam	Chủ Tịch HĐQT Công Ty Cổ phần AFG Việt Nam là ông Phạm Trung Kiên, đồng thời là Thành viên HĐQT của VFS	Thông qua ký hợp đồng đại lý phát hành riêng lẻ trái phiếu với Công Ty CP AFG Việt Nam	08/2018/NQ/VFS-HĐQT ngày 10/09/2018
4	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber	Ông Lê Mạnh Linh – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber, đồng thời là Thành viên HĐQT của VFS	Ký hợp đồng mở Tài khoản giao dịch chứng khoán	12/2018/NQ/VFS-HĐQT ngày 25/10/2018
5	Công Ty Cổ Phần ABG Thủ Đức	Ông Trần Văn Dương – Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần ABG Thủ Đức, đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát của VFS	Thông qua ký hợp đồng Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu và Cung cấp dịch vụ lưu ký trái phiếu doanh nghiệp với Công Ty Cổ Phần	13/2019/NQ/VFS-HĐQT ngày 02/12/2019

			ABG Thủ Đô	
--	--	--	------------	--

5. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty.
- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại bộ máy điều hành Công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

6. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát trong năm 2020:

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao năm 2020 (đồng)
1	Trần Văn Dương	Trưởng BKS	74.666.672
2	Cù Mạnh Đạt	Thành viên BKS	45.999.997
3	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	13.333.333
Tổng			134.000.002

Đối với các khoản thù lao của Ban kiểm soát, Công ty đã thực hiện thanh toán 120.666.669 đồng trong năm 2020 và thực hiện thanh toán 13.333.333 đồng còn lại trong tháng 1 năm 2021.

II. Kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

1. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020			
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ đạt kế hoạch	Tỉ lệ tăng trưởng so với 2019
I	Tổng doanh thu	48.591	52.184	81.219	156%	167%



1	Doanh thu môi giới	9.831	10.323	11.426	111%	116%
2	Doanh thu Dịch vụ	20.847	24.166	18.379	76%	88%
3	Doanh thu tự doanh	4.656	3.000	32.155	1072%	691%
4	Doanh thu tư vấn	2.340	3.024	7.271	240%	311%
5	Lãi tiền gửi	6.712	7.367	7.952	108%	118%
6	Doanh thu khác	4.205	4.303	4.036	94%	96%
II	Tổng Chi phí	37.306	42.434	40.923	96%	110%
III	Lợi nhuận sau thuế	6.720	7.799	36.062	462%	537%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Trong năm vừa qua, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh vượt ngoài kế hoạch năm 2020. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 36 tỷ đồng vượt 362% so với kế hoạch và bằng 537% lợi nhuận sau thuế năm 2019.

2. Công tác tài chính kế toán

- Chấp hành đầy đủ các qui định, quy chế của Nhà nước trong công tác hạch toán kế toán. Hoàn thành báo cáo tài chính và thực hiện chế độ công bố thông tin đúng thời gian quy định.
- Tình hình thu xếp vốn trong năm 2020 về cơ bản để đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính trước khi kiểm toán và báo cáo tài chính sau khi kiểm toán.
- Kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính.
- Thẩm định từng chỉ tiêu trên báo cáo tài chính; kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán, hồ sơ kiểm kê vật tư, tài sản, tiền vốn tại thời điểm 31/12/2020; hồ sơ công nợ và các hồ sơ tài liệu có liên quan khác.
- Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.
- Ban kiểm soát có nhận xét:

Năm 2020 công ty đã thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, Chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động sản

xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Việc lập, luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ; việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ, kịp thời đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo kế toán được lập tuân thủ đúng các chuẩn mực và các quy định kế toán hiện hành.

III. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định.
- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ đối với Công ty đại chúng theo quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của VFS đã được thực hiện kiểm toán đúng theo quy định tại điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020, do Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam thực hiện.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021 của Công ty trình tại Đại hội.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, Ban kiểm soát kính đề nghị lãnh đạo Công ty:

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với bộ phận, phòng ban của Công ty.

PHẦN B: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

- Thực hiện rà soát lại cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ để kiện toàn lại bộ máy cho phù hợp hoạt động của VFS.

- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ chính sách, pháp luật Nhà nước, các quy định, văn bản hướng dẫn.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác xây dựng quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của VFS.
- Kiểm tra cơ cấu tổ chức và lao động của đơn vị, công tác bổ nhiệm nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả lương và thu nhập.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của đơn vị năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kiểm tra việc thực hiện báo cáo thống kê theo quy định của các Phòng/Ban và đơn vị về tính kịp thời, chính xác của số liệu.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch cân đối nhu cầu vốn và kế hoạch dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị năm 2021.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên năm 2021.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động chính của Ban kiểm soát năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT;
- GD CT;
- Lưu VT, BKS.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN VĂN DƯƠNG

Số: 04/2021/TTr-HDQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Việt.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định và đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 trên trang thông tin điện tử Công ty, bao gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính riêng;
- Báo cáo kết quả hoạt động riêng;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính: Chấp nhận toàn phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THẮNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NHẤT VIỆT**

Số: 05/2021/TTr-BKS-VFS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2021; Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt như sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS);
- Công ty TNHH KPMG (KPMG);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

Kính đề nghị ĐHĐCD thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách như trên.

Trường hợp không thương lượng được với các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thì ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác có uy tín, chất lượng kiểm toán, mức phí kiểm toán phù hợp và đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN VĂN DƯƠNG

Số: 06 /2021/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và phương án thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021; phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty như sau:

1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020:

STT	Nội dung	Thù lao cả năm 2020 (đồng)
1	Thù lao Chủ tịch HĐQT	74.666.672
2	Thù lao/phụ cấp Thành viên HĐQT (04 người)	298.666.687
3	Thù lao trưởng BKS	74.666.672
4	Thù lao thành viên BKS (02 người)	59.333.330
	Tổng cộng	507.333.361

(Trong năm 2020, Công ty đã thanh toán đủ thù lao/phụ cấp cho Hội đồng quản trị. Đối với Ban Kiểm soát, Công ty đã thực hiện thanh toán 120.666.669 đồng trong năm 2020 và thực hiện thanh toán 13.333.333 đồng còn lại trong tháng 1 năm 2021)

2. Phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:

Căn cứ trên Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT và BKS Công ty năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Thù lao cả năm 2021 (đồng)
1	Thù lao/phụ cấp HĐQT	375.000.000
2	Thù lao BKS	160.000.000

3. Phương án phân phối lợi nhuận 2020

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	36.061.605.170
2	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	25.452.243.165
3	Trích lập các quỹ	1.527.134.589
	<i>Trích quỹ khen thưởng 2% LNST đã thực hiện)</i>	509.044.863
	<i>Trích quỹ phúc lợi (2% LNST đã thực hiện)</i>	509.044.863
	<i>Trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (2% LNST đã thực hiện)</i>	509.044.863
4	Cổ tức	0
5	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ năm	34.534.470.581

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2021

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông đề xuất không chia cổ tức năm 2021.

Trích quỹ năm 2021: Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện dựa trên kết quả kinh doanh 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THẮNG

Số: 07/2021/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi chức danh của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1. Nội dung thay đổi

- Chức danh của người đại diện theo pháp luật trước khi thay đổi: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức danh của người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi: Tổng Giám đốc.

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nội dung sau:

- Sửa đổi Điều lệ Công ty, thực hiện các quy trình, thủ tục pháp lý khác theo quy định hiện hành áp dụng cho công ty đại chúng;
- Thực hiện thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty với Ủy ban chứng khoán Nhà nước đối với nội dung thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THẮNG

Số: 08/2021/TTr-HDQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v niêm yết cổ phiếu của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (mã chứng khoán: VFS) có vốn chủ sở hữu là 410.000.000.000 đồng tương đương với 41.000.000 cổ phiếu đang thực hiện giao dịch trên sàn UPCoM.

Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) được biết đến với quy mô thị trường, số lượng chứng khoán niêm yết, khối lượng giao dịch lớn và tính thanh khoản cao giúp nâng cao hình ảnh Công ty và thu hút các nhà đầu tư lớn.

Chính vì vậy, nhằm quảng bá thương hiệu Công ty trên thị trường, nâng cao thanh khoản cổ phiếu VFS, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và thu hút các nhà đầu tư. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc niêm yết cổ phiếu VFS tại HSX, cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết cổ phiếu

Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu VFS tại UPCoM và đăng ký niêm yết cổ phiếu VFS tại HSX. Thông tin về cổ phiếu niêm yết như sau:

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Mã chứng khoán	:	VFS
Loại chứng khoán	:	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu niêm yết	:	Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm đăng ký niêm yết
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu (Bằng chữ: Mười nghìn

đồng/cổ phiếu)

Thời gian thực hiện dự kiến : Năm 2021

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xây dựng phương án, hồ sơ, thủ tục pháp lý cần thiết và xem xét, quyết định thời điểm niêm yết cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế thị trường chứng khoán cũng như điều kiện của Công ty. Đồng thời, thực hiện các thủ tục cần thiết, phù hợp với yêu cầu của Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN ANH THẮNG

TỜ TRÌNH

(Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ và thương hiệu được đánh giá cao nhất tại thị trường Việt Nam, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đang từng bước hoàn thiện nhằm nâng cao năng lực hoạt động, trong đó việc tăng nguồn lực vốn để đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh là điều tất yếu. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021 của Công ty. *(Phương án chi tiết đính kèm)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THẮNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ: Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I,
TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 6255 6586

Số fax: (028) 6255 6580

Website: www.vfs.com.vn

PHƯƠNG AN

**PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2021

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Thông tin về đợt phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán: **39.250.000** (Ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: **392.500.000.000** (Ba trăm chín mươi hai tỷ năm trăm triệu) đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: **802.500.000.000** (Tám trăm linh hai tỷ năm trăm triệu) đồng.
- Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi thực hiện xong các thủ tục nội bộ theo quy định của pháp luật, được ĐHĐCĐ thông qua và việc chào bán cổ phiếu sẽ được tiến hành ngay sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Phương thức phát hành

a. Chào bán cổ phiếu ra công chúng

- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: **10.250.000** (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: **102.500.000.000** (Một trăm linh hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu của VFS có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán: Dựa vào giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 là 11.047 đồng/cổ phiếu.
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Để đảm bảo đợt phát hành thành công, chào bán được toàn bộ số cổ phần dự kiến, HĐQT đề xuất mức giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán: **10.000** (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 4:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm): Cụ thể mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 04 (bốn) quyền mua sẽ được mua thêm 1 (một) cổ phiếu mới.
- Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, số lượng cổ phiếu không chào bán hết (nếu có): Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Toàn bộ số cổ phiếu lẻ do làm tròn đến hàng đơn vị và số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có), ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tượng khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu trong thời hạn Giấy phép chào bán cho phép. Số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) được phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông, Cổ đông A sở hữu 102 cổ phiếu, Cổ đông A sẽ được mua: $(102 \times 1/4) = 25,5$ cổ phiếu phát hành thêm. Do việc làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên Cổ đông A chỉ được mua thêm 25 cổ phiếu mới và số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh 0,5 cổ phiếu sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tượng khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.
Trường hợp các đối tượng khác (có bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng) đăng ký mua tiếp số cổ phiếu lẻ do làm tròn đến hàng đơn vị và số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện



- quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Điều kiện chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.
 - Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu.
 - Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
 - Thời hạn đăng ký mua: Tối thiểu 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền tại VFS hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố.
 - Thời gian chào bán dự kiến: Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2021, sau khi được UBCKNN chấp thuận.
 - Phương thức thanh toán:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở, Chi nhánh Công ty và nộp tiền mua cổ phiếu trực tiếp tại Công ty hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.
 - Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - Đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn thành đợt chào bán.

b. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: **29.000.000** (Hai mươi chín triệu) cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán: **290.000.000.000** (Hai trăm chín mươi tỷ) đồng.

theo mệnh giá:

- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp).
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:
 - Là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ Công ty trong hoạt động quản trị và tài chính để phát triển Công ty và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông;
 - Là các nhà đầu tư có tỷ lệ sở hữu sau phát hành phù hợp theo quy định của pháp luật.
 - Cổ đông, nhà đầu tư và những người có liên quan của cổ đông, nhà đầu tư đó sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác khi tham gia mua cổ phần trong đợt phát hành này không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ sau khi phát hành của VFS.
 - Nhà đầu tư tổ chức đáp ứng quy định của pháp luật về công ty mẹ con: Tổ chức phát hành không phải là công ty mẹ của tổ chức được chào bán cổ phiếu; hoặc cả hai tổ chức này không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ.
- Danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và thông qua danh sách danh sách nhà đầu tư chào bán đáp ứng tiêu chí lựa chọn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết: Trường hợp số cổ phiếu chào bán không được các NĐT mua hết, ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mệnh giá.
- Điều kiện chuyển nhượng: Cổ phần mới được chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Thời gian chào bán dự kiến: Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2021, sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

CÔNG TY
PHẦN
KHO
T VIỆ
P HỒ

- Đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn thành đợt chào bán.

c. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến:

Công ty không đặt chi tiêu tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào không đủ như dự kiến, tùy vào tình hình thực tế, ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán toàn bộ số cổ phần còn lại.
- Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không có nhu cầu mua tiếp hoặc đối tượng khác không mua hết số cổ phần chưa chào bán hết, thì vốn điều lệ mới sẽ được đăng ký căn cứ theo số cổ phần thực tế đã chào bán được, HĐQT căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty để cân đối sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trên cơ sở đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Công ty.

d. Mục đích phát hành cổ phiếu

- + Bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Tăng vốn điều lệ giúp VFS chủ động, linh hoạt hơn trong sử dụng nguồn lực tài chính giảm áp lực huy động vốn từ các nguồn khác, từ đó tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường, tận dụng tốt hơn các cơ hội đầu tư.

e. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu

Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, cụ thể như sau:

❖ Pha loãng giá cổ phiếu

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đã được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VFS. Vì vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{array}{r} \text{Giá tham} \\ \text{chiếu ngày} \\ \text{XR} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Số lượng} \\ \text{cổ phiếu} \\ \text{trước đợt} \\ \text{chào bán} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Giá bình quân gia} \\ \text{quyền của toàn bộ giao} \\ \text{dịch ngày giao dịch} \\ \text{trước ngày XR} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Số lượng} \\ \text{cổ phiếu} \\ \text{chào bán} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Giá} \\ \text{chào} \\ \text{bán} \end{array}}{\text{Tổng số cổ phiếu sau khi chào bán}}$$

XR: Ngày giao dịch không hưởng quyền

Tuy nhiên, trong trường hợp giá phát hành của cổ phiếu lớn hơn Giá bình quân gia quyền của toàn bộ giao dịch của cổ phiếu VFS trước ngày giao dịch không hưởng quyền thì sẽ không phải điều chỉnh giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

❖ Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Với giả định ngày 30/6/2021 Công ty hoàn tất đợt chào bán, dự kiến mức độ pha loãng EPS sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2021 như sau:

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (dự kiến)	36.000.000.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành	41.000.000
3	Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	80.250.000
4	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ sau khi phát hành (4) = $\{(2) \times 6 + (3) \times 6\} / 12$	60.625.000
5	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi chưa phát hành (5) = (1)/(2)	878,0
6	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi hoàn thành đợt phát hành (6) = (1)/(4)	593,8

Thu nhập trên mỗi cổ phiếu trong năm 2021 của VFS sau khi Công ty chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2021) giảm từ 878,0 đồng/cổ phiếu xuống 593,8 đồng/cổ phiếu (-32,37%) so với trong trường hợp Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu. Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2021 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt phát hành thì hoạt động kinh doanh của VFS trong thời gian tới kỳ vọng sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

❖ Pha loãng giá trị sổ sách

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần VFS sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (dự kiến)	36.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu năm 2021 (dự kiến) khi không phát hành cổ phiếu	496.775.339.416



3	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành	41.000.000
4	Số lượng cổ phiếu phát hành	39.250.000
5	Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	80.250.000
6	Vốn chủ sở hữu năm 2021 (dự kiến) sau khi phát hành cổ phiếu	889.275.339.416
7	Giá trị sổ sách một cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi không phát hành cổ phiếu (7) = (2)/(3)	12.116
8	Giá trị sổ sách một cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) sau khi phát hành cổ phiếu (8)=(6)/(5)	11.081

Giá trị sổ sách của mỗi cổ phần VFS trong năm 2021 sau khi Công ty chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2021) giảm từ 12.116 đồng/cổ phiếu xuống 11.081 đồng/cổ phiếu (-8,54%) so với trong trường hợp Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu.

❖ Về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết

Phương án chào bán cổ phiếu bao gồm cả việc chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ, do đó, chắc chắn sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu. Bất kỳ trong trường hợp nào, cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua hay không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết hoặc chuyển nhượng quyền, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đều bị giảm xuống.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán và sự mở rộng quy mô hoạt động của Công ty trong thời gian qua, VFS ngày càng tiếp cận được với nhiều cơ hội kinh doanh có quy mô lớn, giá trị giao dịch có thể vượt nhiều lần phần vốn chủ sở hữu hiện có của Công ty.

Đồng thời với sự cạnh tranh gay gắt của các công ty trong việc phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng để gia tăng thị phần môi giới. VFS cần huy động bổ sung thêm nguồn lực tài chính để nâng cao năng lực tài chính và tối thiểu rủi ro thanh khoản.

Việc phát hành tăng vốn chủ sở hữu sẽ giúp VFS chủ động nguồn lực tài chính để gia tăng quy mô vốn hoạt động cho vay ký quỹ chứng khoán qua đó tăng sức mạnh cạnh tranh và mở rộng thị trường tăng thị phần môi giới và đồng thời tăng vốn cho hoạt động tự doanh của công ty để kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh trên thị trường tài chính cụ thể như sau:

Nhu cầu vốn	Giá trị (đồng)
- Tăng vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán:	292.500.000.000
+ Đầu tư cổ phiếu:	47.500.000.000
+ Đầu tư trái phiếu:	245.000.000.000
- Tăng vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ:	100.000.000.000
Tổng cộng	392.500.000.000

IV. ỦY QUYỀN

Sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021, cụ thể:

1. Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021:
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành để mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
 - Quyết định lựa chọn và thông qua danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu trong đợt phát hành riêng lẻ, xử lý cổ phiếu chào bán không hết (nếu có)
 - Quyết định xử lý số lượng cổ phiếu đối với nhà đầu tư không thực hiện quyền mua, cổ phiếu lẻ, dư dư trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư khác đáp ứng các điều kiện tại Khoản 3, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP với giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Cân đối và sử dụng nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
 - Lựa chọn thay thế mục đích sử dụng vốn nếu xét thấy cần thiết để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cho công ty, tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để xin cấp phép chào bán cổ phiếu theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ nhằm đảm bảo cho việc xin phép chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
2. Lập hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung cổ phiếu phát hành thêm: Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn tất đợt phát hành.
3. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt phát hành và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
4. Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với

UBCKNN sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần;

5. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHDCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NHẤT VIỆT
T. P. HỒ CHÍ MINH



TRẦN ANH THẮNG

Số: 10/2021/TTr-HĐQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và các thay đổi của Pháp luật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty đã cập nhật, bổ sung theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT



VIETFIRST
SECURITIES

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 03 tháng 04 năm 2021



MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	6
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty	8
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động:	9
Điều 7. Quyền của Công ty.....	10
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	10
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế	12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	13
Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần	13
Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu	14
Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	15
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 15. Thu hồi cổ phần và mua lại cổ phần.....	15
Điều 16. Cách thức tăng giảm vốn Điều lệ.....	16
V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	17
Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty.....	17
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty.....	18

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.....	19
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	20
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	20
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Thay đổi các quyền.....	23
Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	28
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	31
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị	35
Điều 37. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị.....	35
Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	36
Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty	37
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý.....	38

Điều 41. Người điều hành Công ty	38
Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	38
IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..	39
Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	39
Điều 44. Thành phần Ban Kiểm soát	40
Điều 45. Trưởng Ban kiểm soát.....	40
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	40
Điều 47. Cuộc họp của Ban kiểm soát	41
Điều 48. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	41
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	42
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	42
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	43
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	43
Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	43
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	44
Điều 52. Công nhân viên và công đoàn	44
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	44
Điều 53. Phân phối lợi nhuận	44
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	45
Điều 54. Tài khoản ngân hàng	45
Điều 55. Năm tài chính	45
Điều 56. Chế độ kế toán	45
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	45
Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	45
Điều 58. Báo cáo thường niên.....	45

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	46
Điều 59. Kiểm toán	46
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	46
Điều 60. Dấu của doanh nghiệp.....	46
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	46
Điều 61. Giải thể công ty	46
Điều 62. Gia hạn hoạt động.....	46
Điều 63. Thanh lý.....	47
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	47
Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	47
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	48
Điều 65. Điều lệ công ty	48
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	48
Điều 66. Ngày hiệu lực	48

11/11/2011

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Công ty* là Công ty Cổ Phần Chứng khoán Nhất Việt;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty;
 - c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - h) *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
 - i) *Người quản lý Công ty* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các Giám đốc chi nhánh có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET FIRST SECURITIES CORPORATION
- Tên Công ty viết tắt: VFS

2. Hình thức pháp lý Công ty:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 6255 6586 - Fax: 028 6255 6580
- E-mail: ...
- Website: <https://www.vfs.com.vn>

4. Mạng lưới hoạt động:

- a) Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- b) Chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện của mình;
- c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;

- d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
 - e) Thông tin các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện hiện tại của Công ty được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
5. Thời hạn hoạt động của Công ty:
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 61 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 62 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật **hoặc** bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty được thành lập để thực hiện các ngành nghề kinh doanh đăng ký và đã được cấp phép theo quy định của Pháp luật; Nhằm mục tiêu thu lợi nhuận; Tăng lợi tức cho cổ đông; Tạo việc làm ổn định cho Người lao động; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước; Đầu tư mở rộng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:

- a) Môi giới chứng khoán;
 - b) Tự doanh chứng khoán;
 - c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các dịch vụ quy định đương nhiên được thực hiện khi được cấp phép các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại Điều 86 Luật Chứng khoán, Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán, cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bù trừ và thanh toán chứng khoán, các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận; cung cấp các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo UBCK NN bằng văn bản. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn và UBCK chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động:

1. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông; Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty; Điều hành hoạt động Công ty là các thành viên Hội đồng quản trị điều hành và Tổng Giám đốc; Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm; Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc.
2. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
3. Thực hiện hoạt động kinh doanh công bằng, trung thực.
4. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
6. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
7. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
8. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

TY
HÀN
KHC
VI
HC

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:

- a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
- e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
- f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
- j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;
- l) Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức và tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

- a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- c) Không được thực hiện các hành vi sau:
 - i. Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);

- ii. Giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - iii. Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - iv. Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - v. Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;
3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:
- a) Không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
 - b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
 - c) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
 - d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
 - e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp.
 - f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
 - g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
 - h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
 - i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
 - j) Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - i. Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - ii. Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:
 - a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
 - d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
 - a) Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - i. Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - ii. Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - iii. Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - b) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;
- b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ đồng).
2. Các loại cổ phần:
 - a) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 41.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
 - b) Các loại cổ phần của Công ty:
 - Cổ phần phổ thông: 41.000.000 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi khác: 0 cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Đặc điểm của các loại cổ phần:
 - a) Cổ phần phổ thông: Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

- b) Cổ phần ưu đãi cổ tức: Là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;
- c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- d) Cổ phần ưu đãi khác: theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: Văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản chi phí nào khi mua cổ phiếu mới được phát hành.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành có quy định khác.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định tại Điều lệ này hoặc này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thông qua phương án phát hành. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc chiếm từ 10% trở lên Vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% Vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến cổ phiếu này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thu hồi cổ phần và mua lại cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo
7. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan
8. Các trường hợp mua lại cổ phần
 - a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
 - b) Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng giảm vốn Điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm Vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng Vốn Điều lệ của Công ty:
 - a) Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - b) Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - c) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - e) Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ;
 - f) Cách thức khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc giảm Vốn Điều lệ Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các

nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 32 và Điều 43 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử này phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử
4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:
- a) Nhận cổ tức theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
5. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:
- a) Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
6. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là người được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện;
 - b) Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông

báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo Khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.

5. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền:
 - a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
 - c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng Giám đốc.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 5 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền hoặc ủy quyền theo mẫu của Công ty thì phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc

- được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
 - Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, 27 và 28 Điều lệ này.
 - Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - Các công việc khác phục vụ đại hội.
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được

gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;*
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế

bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - c) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - d) Trình độ chuyên môn;
 - e) Quá trình công tác;
 - f) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - g) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 (một) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 (hai) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 (ba) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 04 (bốn) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng người vào đủ số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 đến 11 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp nêu trên.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty. Mọi hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội

đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

- Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho Phó Chủ tịch thường trực thực hiện các công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - Thực hiện các công việc thường trực:
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp;

- ii. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iii. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- b) Thực hiện các công việc theo ủy quyền bằng văn bản khi Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt:
- i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - ii. Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - iii. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iv. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

10
CỔ
CỔ
TƯ
NH

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc chi nhánh công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 (một) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 (hai) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 (ba) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng người vào đủ số thành viên Ban kiểm soát.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải

được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được

- chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 47. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 48. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp

luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành

viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài

Y
N
OÁ
ỆT
3

chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đầu tiên.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 60. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 61. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 62. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 63. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

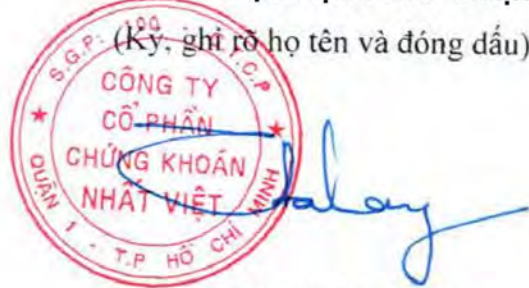
XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 66 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt nhất trí thông qua ngày 03 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRẦN ANH THẮNG

Số: 11/2021/TTr-HDQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và các thay đổi của Pháp luật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị mới của Công ty đã cập nhật, bổ sung theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Quy chế nội bộ về quản trị mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua và thay thế cho bản Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THĂNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NFS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm các nội dung sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ);
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp): Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện chuẩn bị chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo

mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 25 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
9. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) Luật Doanh nghiệp;
- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- (Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.)
10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

11. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

13. Cách thức bỏ phiếu: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

14. Cách thức kiểm phiếu: Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định;

15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2,3 Điều 28 Điều lệ và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 28 Điều lệ Công ty và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

16. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa;
17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
 - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Quy định cụ thể tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện như hình thức họp trực tiếp nêu ở Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
 - Khi tiến hành đăng ký cổ đông và được xác định là cổ đông hợp lệ, Công ty cấp cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền một Tài khoản truy cập để thực hiện đăng ký tham dự đại hội trực tuyến và bỏ phiếu trực tuyến.
 - Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và mẫu khẩu xác thực một lần (mã OTP) để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty (<https://vfs.com.vn/>). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.
 - Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội trực tuyến, phải cung cấp đầy đủ và bảo mật Tài khoản truy cập cũng như các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để

người được ủy quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu trực tuyến các nội dung của Đại hội. Cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu trực tuyến theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

4. Điều kiện tiên hành

- a) Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.
- b) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
 - Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật an toàn thông tin mạng.
 - Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

- a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào trang web <https://vfs.com.vn/> theo hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết.
- b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu "Không ý kiến" đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.
- d) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ

1. / N. T. C. Q. 1. - 11

phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Sau khi đóng Hệ thống bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu trực tuyến để tổng hợp kết quả biểu quyết.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

a) Việc lập biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như quy định tại Khoản 15 Điều 3 Quy chế này.

b) Biên bản được lập xong phải thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

b) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp được công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo từng năm.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
 - b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định

110
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá 11 người.
 - b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị
 - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
 - c) Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị độc lập
 - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 - b) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
 - c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị
- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp,

- bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định đã nêu trên.
 - d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
 6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc do thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách thành viên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phải được thông báo cho các cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.
 7. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị; đồng thời quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác (nếu có) theo Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu:
Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có).

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết: Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật về lao động.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cũng như thực

hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát: Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:
 - a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.
 - b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc do thành viên Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phải được thông báo cho các cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.
7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
3. Hội đồng quản trị họp và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - a) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị (được Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ) hoặc được thuê theo hợp đồng lao động. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định đối với Công ty đại chúng.
 - b) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm, chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; đồng thời quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác (nếu có) theo Điều lệ Công ty.
 - c) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - d) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành

viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- b) Trưởng Ban kiểm soát cử thành viên của Ban tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - c) Tổng Giám đốc có thể trực tiếp hoặc cử thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng Giám đốc dự họp có thể tham gia thảo luận, nhưng không tham gia biểu quyết.
 - d) Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng Ban kiểm soát hoặc và Tổng Giám đốc trong thời gian bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - e) Khi cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham gia cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận về những vấn đề liên quan. Thư mời có đầy đủ nội dung cần thiết, được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước cuộc họp. Trưởng Ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong thời gian bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 - f) Khi cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc. Thư mời có đầy đủ nội dung cần thiết, được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước cuộc họp. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát: Người quản trị Công ty/ Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi bản sao các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát (trong thời hạn 10 ngày) để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.
 3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc: Người quản trị Công ty/ Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi bản sao các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc (trong thời hạn 10 ngày) để Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ của mình.
 4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của đa số thành viên Ban kiểm soát;
 - Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người quản lý khác.
 - b) Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

- quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
 - a) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 06 tháng, năm), hoặc khi có yêu cầu.
 - b) Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền thông qua truyền đạt của Tổng Giám đốc yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc và trưởng, phó phòng ban Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Định kỳ (quý, 06 tháng, năm), Tổng Giám đốc phải tổ chức họp Ban Tổng Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - b) Biên bản họp phải lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
 7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:
 - a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b) Báo cáo hoạt động điều hành Công ty, trong đó cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty.
 - c) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế tiếp.
 - d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
 - e) Kiến nghị số lượng nhân sự quản lý, các chức danh khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định chính sách về công tác nhân sự quản lý.
 - f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, chính sách và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.
 - g) Chuẩn bị và đệ trình để Hội đồng quản trị thông qua các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.
 - h) Tất cả thông tin, báo cáo đều được thực hiện bằng văn bản chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.
 8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
 - a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tại

thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ, quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động chung.

- b) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.
- c) Trường hợp cấp bách, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp gỡ, điện thoại, email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hay Trưởng Ban kiểm soát hay Tổng Giám đốc hay cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

Điều 17. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

- a) Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, nhân sự quản lý:
 - Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhân sự quản lý từ trưởng, phó phòng, ban Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- b) Khen thưởng:
 - Hàng năm, căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quyết định mức khen thưởng đối với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành, Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ phân phối giữa Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành.
 - Chế độ khen thưởng: bằng tiền và/hoặc bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho công nhân viên (nếu có).
 - Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng của Công ty, quỹ khen thưởng của ban quản lý điều hành khi đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận.
 - Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.
- c) Xử lý vi phạm và kỷ luật:
 - Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và các văn bản của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định Công ty, thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18: Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và cán bộ, nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm 07 mục, 19 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 04 năm 2021.


TRẦN ANH THẮNG

Số: 12/2021/TTr-HĐQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và các thay đổi của Pháp luật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét ban hành Quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Quy trình này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THẮNG

QUY TRÌNH NỘI BỘ VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. Mục đích

Quy trình này quy định trách nhiệm thực hiện, công tác phối hợp giữa các cá nhân, bộ phận nhằm đảm bảo công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (VFS) tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ của Công ty, đảm bảo tính công bằng, quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông VFS.

II. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với công tác tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các kỳ đại hội thường niên và bất thường của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

III. Căn cứ ban hành

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/VFS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2021.
- Quy chế quản trị Công ty ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/VFS/NQ - ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2021;

IV. Thuật ngữ và các từ viết tắt sử dụng

- | | | |
|---------------|---|---|
| - VFS/Công ty | : | Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt |
| - ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| - Đại hội | : | Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường của VFS |
| - BKS | : | Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt |
| - HĐQT | : | Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt |
| - CT. HĐQT | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị |

- TGD : Tổng Giám đốc
- Điều lệ : Điều lệ đang có hiệu lực của Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt trong từng thời kỳ
- UBCK : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán/Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con
- Luật doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

B. QUY TRÌNH TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. Lưu đồ quy trình

STT	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
Bước 1	Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ và thông báo chốt danh sách CĐ	- Người triệu tập ĐHĐCĐ (HĐQT, BKS, Nhóm cổ đông ...)
Bước 2	Chuẩn bị tài liệu họp ĐHĐCĐ, gửi thư mời họp ĐHĐCĐ	- Người triệu tập ĐHĐCĐ - Ban TGD - Ban tổ chức Đại hội
Bước 3	Tổng hợp ủy quyền và xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ của CĐ	- Người triệu tập ĐHĐCĐ - Ban tổ chức Đại hội
Bước 4	Họp ĐHĐCĐ và tiến hành biểu quyết tại đại hội	- Người triệu tập /Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ - Cổ đông tham dự - Ban tổ chức Đại hội

Bước 5	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 15px; padding: 10px; text-align: center;"> Thông qua biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ, công bố thông tin </div>	<ul style="list-style-type: none"> - Người triệu tập /Chủ tọa ĐHĐCĐ - Cổ đông tham dự - Các cá nhân/bộ phận có liên quan
Bước 6	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 15px; padding: 10px; text-align: center;"> Lưu trữ hồ sơ </div>	<ul style="list-style-type: none"> - Các cá nhân/bộ phận có liên quan trong công ty

II. Mô tả lưu đồ

1. Bước 1: Quyết định triệu tập họp ĐHĐCĐ và thông báo chốt danh sách cổ đông

1.1 Người thực hiện triệu tập ĐHĐCĐ

1.1.1 Đối với đại hội ĐHĐCĐ thường niên

HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, HĐQT quyết định ra hạn họp ĐHĐCĐ thường niên và Công ty có trách nhiệm phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo.

1.1.2 Đối với đại hội ĐHĐCĐ bất thường

- HĐQT triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 140 Luật doanh nghiệp, chi tiết như sau:

- HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ và pháp luật;(*)
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; (**)
- Theo yêu cầu của BKS; (***)
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp (mục *) hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp (mục ** và ***). Trường hợp HĐQT



không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

HĐQT căn cứ vào yêu cầu, đề nghị họp của các cá nhân, đơn vị để xem xét yêu cầu đó có đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và điều lệ của công ty hay không, mức độ cần thiết, cấp bách để tiến hành triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.

- Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp này. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

- Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

- Các trường hợp triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật

1.1 Thông báo chốt danh sách cổ đông

Tùy thuộc vào họp ĐHĐCĐ thường niên hay bất thường Người triệu tập ĐHĐCĐ lên kế hoạch tiến hành đại hội để phù hợp pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, cũng như quyết định ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông tham dự họp.

VFS phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Bước 2: Chuẩn bị chương trình tài liệu họp và thư mời họp ĐHĐCĐ

2.1 Chuẩn bị chương trình, tài liệu họp

Người thực hiện triệu tập ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp, tài liệu họp phù hợp với pháp luật và quy định nội bộ của Công ty. Người thực hiện triệu tập ĐHĐCĐ có thể thu thập số liệu, tài liệu cần thiết từ các cá nhân, bộ phận có trách nhiệm liên quan.

2.2 ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- Báo cáo tài chính hằng năm;
- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên;
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2.3 Kiến nghị, góp ý của cổ đông

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật doanh nghiệp;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2.4 Xem xét, bổ sung kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông vào chương trình họp

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp đã được xem xét là phù hợp với pháp luật vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.5 Gửi thông báo mời họp và công bố thông tin tài liệu họp

- Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp, tài liệu họp/đường dẫn lấy tài liệu họp trên trang thông tin điện tử của VFS đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp đồng thời công bố thông tin tài liệu họp đến UBCK, SGDCCK chậm nhất

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.

- Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

- Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết.

3. Bước 3: Tổng hợp ủy quyền và xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ của cổ đông

3.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức khác quy định tại mục 4.2 Bước 2 tại quy trình này.

3.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3.3 Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ theo quy định tại Điều 23 Điều lệ 2021 của Công ty.

3.4 Cổ đông gửi văn bản xác nhận tham dự họp hoặc văn bản ủy quyền dự họp hợp lệ cho người khác về Công ty để tổng hợp lập danh sách cổ đông đăng ký tham dự. Danh sách cổ đông tham dự phải hoàn thành trước ngày khai mạc

4. Bước 4: Họp đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tại đại hội

4.1 Điều kiện tiến hành đại hội

Đại hội được tiến hành khi đảm bảo tuân thủ theo Điều 26 Điều lệ năm 2021 hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật được sửa đổi trái với Điều lệ và có tính pháp lý cao hơn thì áp dụng theo luật đó.

4.2 Tham dự và biểu quyết của cổ đông

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua phương thức khác quy định trong Điều lệ của Công ty.

Các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.3 Thẻ thức họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẻ thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - CT.HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trừ trường hợp quy định trên, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

VIETFIRST
SECURITIES

- ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

- **Cách thức biểu quyết:**

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình họp, hoặc những vấn đề phát sinh tại đại hội.

Đối với hình thức họp trực tiếp:

- Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, công ty sẽ cấp cho từng cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử (trường hợp ĐHĐCĐ có nội dung bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS), trên phiếu biểu quyết có ghi rõ số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết.
- Cổ đông/đại diện hợp pháp của cổ đông hợp lệ biểu quyết bằng cách chọn các phương án: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng tờ trình đại hội, sau đó ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết
- Việc biểu quyết bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bằng bỏ phiếu trực tiếp tại đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu, được quy định cụ thể trong quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của BKS
- Ngoại trừ các Tờ trình tại Đại hội, chủ tọa xin ý kiến bằng hình thức giơ tay biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến để thông qua các vấn đề khác.
- Ban kiểm phiếu tiến hành thu phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử và tiến hành kiểm phiếu;
- Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Đối với hình thức họp trực tuyến

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Bước 5: Thông qua biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ, công bố thông tin

Việc ghi biên bản họp và ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ tuân thủ Điều 30 Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ của CTy. Hiệu lực của nghị quyết ĐHĐQT theo quy định tại Điều 152 Luật doanh nghiệp.

Biên bản họp và nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trong vòng 24h trên website của VFS, UBCK, SGDCK theo quy định của pháp luật hiện hành, quy chế công bố thông tin của Công ty.

6. Bước 6: Lưu trữ hồ sơ

Biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, danh sách cổ đông đăng ký tham dự họp, và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của VFS.

Thời gian lưu trữ theo quy định của pháp luật

Việc lưu trữ ngoài đáp ứng yêu cầu của pháp luật, là cơ sở cho ban điều hành, HĐQT và các cá nhân, bộ phận có liên quan thực thi còn là cơ sở để giải quyết trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông có thẩm quyền có ý kiến phản đối quyết định của ĐHĐCĐ.

III. Thủ tục phải đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ như trên thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy trình này này đượccó hiệu lực kể từ ngày ký. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng quy trình này có trách nhiệm thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến việc triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ của VFS chưa được đề cập trong Quy trình này hoặc có những quy định mới của pháp luật trái với những Điều Khoản trong nội dung Quy trình này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ của Công Ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt cho tới khi quy trình điều chỉnh hoặc thay thế quy trình được ban hành. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy trình này do HĐQT đề xuất và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN ANH THẮNG

Số: 13/2021/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và các thay đổi của Pháp luật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Quy trình này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN ANH THẮNG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/VFS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên;
 - c) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

101
CỘT
CỔ
HỮN
NHÀ

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phê duyệt giá trị cao hơn;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

IG T
PHÃ
3 KH
T VI
P H

- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 - Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện

bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

- 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

V
CÁN
S
T
CH

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên

Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN NHẤT VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2021/TTr-BKS-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Quy trình kiểm soát của Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và các thay đổi của Pháp luật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Ban kiểm soát đã tổ chức rà soát, xem xét ban hành Quy trình kiểm soát của Ban kiểm soát của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy trình kiểm soát của Ban kiểm soát dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Quy trình này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN VĂN DƯƠNG



QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích

Quy trình này quy định nội dung, thủ tục và cách thức thực hiện hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với thành viên Ban kiểm soát, trưởng Ban kiểm soát, các phòng/ban có liên quan trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Quy trình này được áp dụng song song với quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, quy trình, quy chế khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đang còn hiệu lực và trên nguyên tắc đảm bảo không trái với quy định của pháp luật.

3. Một số văn bản pháp luật và văn bản nội bộ có liên quan

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/VFS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2021

4. Thuật ngữ và các từ viết tắt sử dụng

- VFS/Công ty : Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- BKS : Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt

- HĐQT : Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt
- TGD : Tổng Giám đốc
- BCTC : Báo cáo tài chính
- Điều lệ : Điều lệ đang có hiệu lực của Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt trong từng thời kỳ
- Luật doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020

5. Các hình thức kiểm soát

Hoạt động kiểm soát của BKS tại VFS tuân thủ theo quy chế hoạt động của BKS, quy định của pháp luật thông qua hai hình thức là giám sát và kiểm tra trực tiếp.

a) *Giám sát*: Hoạt động giám sát của BKS được thực hiện thường xuyên và định kỳ thông qua việc giám sát Báo cáo tài chính (gồm: BCTC soát xét 6 tháng đầu năm, BCTC kiểm toán năm, BCTC quý nếu cần), báo cáo của HĐQT, báo cáo ban Tổng Giám đốc, hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ, các kết luận thanh tra kiểm tra của bên ngoài và nội bộ (nếu có)... BKS có thể chủ động thu thập thông tin, tài liệu qua các kênh công bố thông tin của VFS, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán, qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT và Ban TGD, hoặc đề nghị các bộ phận có trách nhiệm liên quan cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ cho hoạt động giám sát. Trên cơ sở đó phát hiện ra các trường hợp sai sót, không tuân thủ để đưa ra các kiến nghị xử lý kịp thời, nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty, bảo vệ lợi ích của cổ đông.

b) *Kiểm tra trực tiếp*: là việc BKS trực tiếp kiểm tra hoặc phối hợp với các bộ phận khác cùng kiểm tra hoạt động nghiệp vụ tại các phòng ban, bộ phận, chi nhánh của VFS. Tùy thuộc vào đánh giá của các thành viên BKS, trưởng BKS có thể lựa chọn một số phương pháp (thống kê, đối chiếu, điều tra, chọn mẫu, phân tích...) để thu thập, xác minh, đánh giá và có thể đưa ra kiến nghị nếu cần thiết về việc tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ của VFS đối với đối tượng kiểm tra.

Tùy thuộc vào nhu cầu kiểm soát định kỳ, hoặc theo yêu cầu của các bên có thẩm quyền theo luật định, hoặc khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Giám đốc) vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của công ty, cổ đông, hoặc khách hàng, BKS kết hợp áp dụng các hình thức kiểm soát phù hợp.

6. Một số lưu ý trong quá trình kiểm soát của Ban kiểm soát

Hoạt động kiểm soát của BKS tại VFS tuân thủ theo quy chế hoạt động của BKS, quy định của pháp luật và luôn đảm bảo trong thực thi quy trình kiểm soát phải độc lập, tuân thủ nhưng linh hoạt đảm bảo một số lưu ý về thời gian, báo cáo các bên liên quan như sau:

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Giám đốc) vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của công ty, cổ đông hoặc khách hàng, Ban kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Các quy định pháp luật hiện hành khác

II. QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Quy trình giám sát

1.1 Lưu đồ quy trình

STT	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
Bước 1	Lập kế hoạch	Thành viên BKS/Trưởng BKS
Bước 2	Thu thập thông tin	- Thành viên BKS/Trưởng BKS - HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận, phòng ban có liên quan
Bước 3	Thực hiện giám sát	- Thành viên BKS/Trưởng BKS

<p>Bước 4</p>	<p>Báo cáo giám sát</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên BKS/Trưởng BKS - Các bộ phận, phòng ban có liên quan
<p>Bước 5</p>	<p>Theo dõi việc thực thi thông báo và lưu trữ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên BKS/Trưởng BKS - Bộ phận văn thư Trụ sở chính

1.2 Mô tả lưu đồ quy trình giám sát

Bước 1: Lập kế hoạch

- Căn cứ quy chế hoạt động của BKS, nhu cầu giám sát từng thời kỳ Trưởng BKS phân công nhiệm vụ giám sát cho từng thành viên trong BKS.
- Căn cứ nhiệm vụ được phân công thành viên BKS lập kế hoạch giám sát từng nội dung, kế hoạch giám sát có thể theo tháng, quý, 6 tháng hoặc năm.

Bước 2: Thu thập thông tin

- Thu thập báo cáo định kỳ (Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động tháng/năm, ...), báo cáo đột xuất, các báo cáo đánh giá hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các thông tin liên quan trên website của VFS hệ thống công bố thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước...
- Đối với các báo cáo đột xuất, bất thường (nếu có) các cá nhân, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho BKS trong vòng 02 ngày làm việc hoặc 1 thời hạn dài hơn do Trưởng BKS đề nghị kể từ khi có yêu cầu (bằng văn bản cứng hoặc file mềm)

Bước 3: Thực hiện giám sát

- Thành viên BKS/Trưởng BKS thực hiện phân tích, đánh giá, thẩm định các báo cáo, tài liệu thu thập được. Trường hợp cần thiết, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm giải trình các số liệu, thông tin liên quan theo đúng quy chế hoạt động của BKS, Điều lệ và pháp luật quy định.
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát BKS đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, các quy trình quy chế nội bộ của Công ty, hoạt động trong kỳ của Hội đồng quản trị, hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các đơn vị, phòng ban khác. Đồng thời đưa ra các khuyến nghị đối với đối tượng giám sát nếu phát hiện có vi phạm xảy ra hoặc đưa ra khuyến nghị nhằm mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bước 4: Báo cáo giám sát

- BKS phải họp bàn và tổng hợp những vấn đề đã giám sát trong kỳ, BKS thống nhất nội dung biên bản họp và tất cả các thành viên ký vào biên bản họp. Số lượng buổi họp tuân theo Điều lệ, quy chế hoạt động của BKS và pháp luật. Thay mặt BKS, trưởng BKS tổng hợp kết quả giám sát và được tổng hợp trong báo cáo của BKS về đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trong quá trình giám sát nếu phát hiện có vi phạm trọng yếu thành viên BKS phải báo cáo ngay cho Trưởng BKS và ngược lại Trưởng BKS thông báo cho các thành viên BKS để cùng xem xét đảm bảo tính phù hợp, kịp thời. BKS có trách nhiệm thông báo với HĐQT trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện ra vi phạm.

Bước 5: Theo dõi thực hiện kiến nghị, thông báo và lưu trữ

- Nếu có kiến nghị trong báo cáo sau giám sát hoặc thông báo với HĐQT trong trường hợp phát hiện ra vi phạm trọng yếu, BKS theo dõi việc tiếp nhận và thực hiện những kiến nghị, thông báo này. Việc thực hiện các bước tiếp theo dựa trên tình hình thực tế, đảm bảo giải quyết theo đúng Quy chế hoạt động của BKS, Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.

- BKS có trách nhiệm lưu trữ lại báo cáo giám sát từng thời kỳ, các thông báo, tài liệu có liên quan. Đồng thời báo cáo giám sát của BKS được lưu tại Trụ sở chính của Công ty.

2. Quy trình kiểm tra trực tiếp

2.1 Lưu đồ quy trình

STT	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
Bước 1	Yêu cầu kiểm tra	- Đối tượng yêu cầu kiểm tra
Bước 2	Xem xét yêu cầu kiểm tra	- Thành viên BKS/Trưởng BKS

Bước 3	Chuẩn bị kiểm tra	- Thành viên BKS/Trưởng BKS
Bước 4	Thực hiện kiểm tra	- Thành viên BKS/Trưởng BKS - Các bộ phận, phòng ban có liên quan
Bước 5	Lập biên bản kiểm tra	- Thành viên BKS/Trưởng BKS
Bước 6	Báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra	- Thành viên BKS/Trưởng BKS
Bước 7	Lưu trữ hồ sơ	- Thành viên BKS/Trưởng BKS - Bộ phận văn thư ở trụ sở chính - Đối tượng yêu cầu kiểm tra

2.2 Mô tả lưu đồ quy trình kiểm tra

Bước 1: Yêu cầu kiểm tra

- BKS căn cứ vào yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của các đơn vị sau để tiến hành việc kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của BKS:

- Yêu cầu của chính BKS để thực hiện kiểm tra, giám sát theo đúng Quy chế hoạt động của BKS;
- Yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông được quy định theo pháp luật và theo Điều lệ (nếu có);
- Các yêu cầu quản lý khác quy định tại điều lệ công ty, tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ (nếu có).

- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng


 Y
N
OÁN
T
CHẾ

ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

Bước 2: Xem xét yêu cầu kiểm tra

- Các thành viên BKS căn cứ vào Điều lệ, quy chế hoạt động của BKS và các văn bản quy định pháp luật khác thẩm định các nội dung trong yêu cầu kiểm tra, kiểm soát. Nếu không thuộc thẩm quyền của BKS hoặc yêu cầu kiểm tra không hợp lệ, hợp pháp thì BKS từ chối và thông báo tới đối tượng yêu cầu kiểm tra, kết thúc quy trình. Nếu yêu cầu kiểm tra, kiểm soát là hợp lệ và hợp pháp BKS tiến hành các bước tiếp theo.

- Nếu nội dung yêu cầu kiểm soát đã được công bố rộng rãi theo quy chế công bố thông tin mà VFS phải áp dụng và đã thực hiện, Trưởng BKS thay mặt BKS hoặc thành viên BKS trình Trưởng BKS ban hành thông báo các nội dung yêu cầu đã được công bố tới đối tượng yêu cầu.

- Nếu các nội dung yêu cầu kiểm tra, kiểm soát chưa được công bố rộng rãi thì BKS tiến hành họp để xác định phạm vi, thẩm quyền về các nội dung có liên quan.

- Trưởng BKS có thể xin ý kiến bằng văn bản gửi tới HĐQT về các nội dung yêu cầu kiểm tra, kiểm soát được nêu tại Bước 1 trước khi thực hiện việc quyết định kiểm tra, kiểm soát.

Bước 3: Chuẩn bị kiểm tra

- Căn cứ kế hoạch kiểm tra năm đã được phê duyệt của Trưởng BKS hoặc kế hoạch kiểm tra đột xuất do Trưởng BKS phê duyệt, BKS xây dựng kế hoạch triển khai kiểm tra dựa trên yêu cầu kiểm tra tại bước 1 và xem xét yêu cầu ở bước 2, phạm vi kiểm tra, thời gian kiểm tra, các cá nhân/bộ phận có liên quan tới quá trình kiểm tra.

- Trưởng BKS/thành viên BKS được bầu làm trưởng đoàn kiểm tra ban hành quyết định kiểm tra, quyết định kiểm tra phải nêu rõ nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra, đối tượng thực hiện kiểm tra và đối tượng bị kiểm tra. Quyết định kiểm tra có thể được gửi trước qua email, zalo hoặc văn bản cứng và được gửi cho HĐQT, ban TGD và đối tượng kiểm tra chậm nhất 02 ngày làm việc hoặc theo thời hạn phù hợp do Trưởng BKS/trưởng đoàn kiểm tra quyết định.

Lưu ý: Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, BKS cần nhắc kế hoạch đảm bảo kiểm tra theo thời hạn trong luật định.

Bước 4: Thực hiện kiểm tra

- Các cá nhân, bộ phận có liên quan tới việc kiểm tra phối hợp với BKS để việc kiểm tra diễn ra thuận lợi, đúng pháp luật. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trưởng đoàn kiểm tra là Trưởng BKS hoặc 1 thành viên BKS được BKS bầu làm trưởng đoàn kiểm tra, công bố quyết định kiểm tra, các nội dung trong quyết định kiểm tra.

- BKS và đối tượng kiểm tra thống nhất phương pháp làm việc, cung cấp tài liệu, phương tiện làm việc. Đối tượng kiểm tra bố trí lịch làm việc, nhân sự làm việc với đoàn kiểm tra của BKS theo đúng nội dung đã thống nhất

- Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện có rủi ro/dấu hiệu nghi ngờ nằm ngoài nội dung kiểm tra theo kế hoạch, BKS có thể bổ sung, điều chỉnh nội dung kiểm tra kịp thời.

- Các thành viên trong đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra phải tập hợp tất cả các phát hiện (sai sót, nghi vấn, rủi ro tiềm ẩn...) trưởng đoàn kiểm tra đưa vào biên bản kiểm tra sơ bộ.

Bước 5: Lập biên bản kiểm tra chính thức

- Sau khi kết thúc quá trình kiểm tra, BKS sẽ tổ chức họp để thống nhất các nội dung đã kiểm tra, kết quả kiểm tra, kiểm soát, lập biên bản. Biên bản được gửi tới đối tượng kiểm tra

- Trường hợp BKS và đối tượng kiểm tra thống nhất về kết quả kiểm tra các bên ký biên bản kiểm tra.

- Trường hợp đối tượng kiểm tra và BKS không thống nhất với những ý kiến nhận xét của BKS về kết quả kiểm tra, đối tượng kiểm tra có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản tới Ban kiểm soát. Các ý kiến giải trình của đối tượng kiểm tra có thể được đề cập vào biên bản kiểm tra của BKS.

- Biên bản kiểm tra phải có chữ ký của đại diện đoàn kiểm tra của BKS và đối tượng kiểm tra, đồng thời gửi tới HĐQT để biết và theo dõi.

Bước 6: Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, kiểm soát

- Căn cứ vào biên bản kiểm tra, BKS lập báo cáo kết quả kiểm tra kiểm soát, đồng thời gửi tới đối tượng yêu cầu kiểm tra tại bước 1 (ngoại trừ việc kiểm tra định kỳ, theo yêu cầu của chính BKS).

- Báo cáo tổng hợp thường bao gồm thông tin như: (Thông tin cơ bản về tình hình hoạt động của công ty; các tồn tại (nếu có) được phát hiện sau kiểm tra; các đề xuất nếu có của BKS nhằm mục đích khắc phục những tồn tại, tránh thiệt hại thêm cho cổ đông...)



- Thời hạn báo cáo tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy chế hoạt động của BKS

Bước 7: Lưu trữ hồ sơ

- Biên bản làm việc và báo cáo được lưu tại trụ sở chính của VFS.
- BKS giữ 01 bộ biên bản và báo cáo, kèm theo các hồ sơ có liên quan.
- Bộ phận được kiểm tra lưu trữ 01 bộ biên bản và báo cáo để theo dõi, khắc phục theo đề xuất, kiến nghị của BKS (nếu có).
- Thời gian lưu trữ theo quy định của pháp luật.
- Kết thúc quy trình.

III. TÓ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng quy trình này có trách nhiệm thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VFS, hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát của BKS chưa được đề cập trong Quy trình này hoặc có những quy định mới của pháp luật trái với những Điều Khoản trong nội dung Quy trình này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh hoạt động kiểm soát của BKS Công Ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN VĂN DƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN NHẤT VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2021/TTr-BKS-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và các thay đổi của Pháp luật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Ban kiểm soát đã tổ chức rà soát, xem xét ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Quy trình này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN VĂN DƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/VFS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát để thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Ban kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu sự điều chỉnh của quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty và chỉ làm những việc theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt



- | | | | |
|----|-------------------|---|--|
| 1. | VFS/Công ty | : | Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt |
| 2. | ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| 3. | BKS | : | Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt |
| 4. | HĐQT | : | Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt |
| 5. | CT.HĐQT | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 6. | TGD | : | Tổng Giám đốc |
| 7. | KSV | : | Thành viên ban kiểm soát/kiểm soát viên |
| 8. | Điều lệ | : | Điều lệ đang có hiệu lực của Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt trong từng thời kỳ |
| 9. | Luật doanh nghiệp | : | Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 |

Các từ ngữ khác được sử dụng trong quy chế này cũng có nghĩa tương ứng như trong điều lệ của VFS và các văn bản pháp luật hiện hành.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thành viên BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của VFS có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên BKS.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. BKS có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên BKS từng thời kỳ theo quy định tại Điều lệ và không trái với quy định của pháp luật.
2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
2. Trưởng Ban kiểm soát của VFS không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;
3. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định tại quy chế này;
4. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS;
5. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật;
6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên BKS trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
7. Có thể tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;
8. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số;



9. Quyền và nghĩa vụ khác của Trưởng BKS (nếu có) do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 (một) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 (hai) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 (ba) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng người vào đủ số thành viên Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ (nếu có).

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ theo pháp luật quy định.
14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị CT.HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn

bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.

23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

24. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện.

2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

HỒ
TỶ
HỮU
KHO
VIỆ

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS phải họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm, BKS có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của BKS đều phải có sự chuẩn bị trước về nội dung. Trưởng BKS căn cứ vào mục đích cuộc họp phân công cho các kiểm soát viên, bộ phận giúp việc cho BKS (nếu có) chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến địa chỉ, thông tin liên lạc của từng KSV được đăng ký tại VFS. Trưởng BKS hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các KSV.

2. Cuộc họp của BKS được tiến hành khi số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS trở lên. Trong trường hợp không thể tham dự họp, KSV có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho BKS trước khi họp hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên BKS. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản

3. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên ban Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng bằng tiếng Việt. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp của BKS phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VFS.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.

3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.

4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, ban Giám đốc/Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trưởng BKS và Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ và phù hợp với pháp luật hiện hành. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS.

2. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên BKS của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT



Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT. Đồng thời BKS và HĐQT phải phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Trưởng BKS/thành viên BKS có thể tham dự trong các phiên họp của HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến, đề xuất và kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết.

3. BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra, kiểm soát và đưa ra những kiến nghị cần thiết (nếu có) đến HĐQT theo quy định. Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT xem xét quyết định xử lý đối với các kết luận của BKS. BKS theo dõi việc thực hiện của các cá nhân, bộ phận trong Công ty theo các kiến nghị của mình, các kết luận và xử lý của HĐQT.

Điều 22. Mối quan hệ với ban Tổng giám đốc Công ty, bộ phận khác trong Công ty

1. BKS là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban Tổng Giám đốc. BKS trong quá trình làm việc với ban Tổng Giám đốc phải giữ vững tính độc lập, khách quan đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS.

3. Ban Tổng Giám đốc (Ban điều hành) của Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Sửa đổi và bổ sung quy chế

1. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt có thay đổi chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định mới của pháp luật trái với những Điều Khoản trong bản Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh hoạt động của BKS cho đến khi có Quy chế sửa đổi bổ sung/thay thế.

2. Các thành viên BKS có quyền đề xuất các nội dung cần sửa đổi bổ sung, trưởng BKS tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ và hoạt động của VFS. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế này phải được thông qua tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 04 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN VĂN DƯƠNG





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NHẤT VIỆT**

Số: 16/2021/TTr-BKS-VFS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của Ông Cù Mạnh Đạt và Bà Phạm Thị Thanh Thúy.

Ban Kiểm soát đã nhận được đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Ông Cù Mạnh Đạt và Bà Phạm Thị Thanh Thúy.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát Công ty đối với Ông Cù Mạnh Đạt và Bà Phạm Thị Thanh Thúy .

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN VĂN DƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NHẤT VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Giới thiệu nhân sự bầu thành viên Ban Kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Căn cứ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã thông báo đến quý vị cổ đông về tiêu chuẩn điều kiện và thủ tục, thời gian đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Đến hết thời gian theo quy định, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông đã nhận được các Đơn đề cử/ứng cử thành viên Ban Kiểm soát từ các cổ đông và nhóm cổ đông. Ban tổ chức đã thực hiện rà soát danh sách các ứng viên theo tiêu chuẩn và điều kiện đề cử, ứng cử của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại quy chế bầu cử của Công ty. Trên cơ sở đó Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát với danh sách ứng viên như sau:

1. Bà Trịnh Thị Lan

CMND/ Thẻ căn cước công dân số: 038183000537 Ngày cấp: 19/07/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú &DLQG về dân cư

Nơi ở đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 3726, tòa CT12C, Khu đô thị Kim Văn Kim Lũ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Phòng 2612, tòa C Vinaconex, Khu đô thị Kim Văn Kim Lũ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

2. Ông Trương Văn Tiên

CMND/ Thẻ căn cước công dân số: 025060423 Ngày cấp: 29/12/2008

Nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh

Nơi ở đăng ký hộ khẩu thường trú: 56/2 Lê Văn Thọ, P9, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện nay: 10.04 Block A1, Chung cư Hưng Ngân, 48 Dương Thị Mười, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN VĂN DƯƠNG